

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : **Phan Thị Thương Thương**

Giảng viên hướng dẫn: **ThS.GVC Bùi Thị Thúy**

HẢI PHÒNG - 2011

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN
NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN
CONTAINER VIỆT NAM (VICONSHIP)**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Phan Thị Thương Thương
Giảng viên hướng dẫn: ThS.GVC Bùi Thị Thúy**

HẢI PHÒNG - 2011

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Phan Thị Thương Thương

Mã SV: 110420

Lớp: QT 1102K

Ngành: Kế toán – kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty
Cổ phần Container Việt Nam (Viconship)

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Khái quát hóa được những lý luận cơ bản về công tác tổ chức kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.
 - Phản ánh thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Container Việt Nam (Viconship).
 - Đánh giá được những ưu, nhược điểm của công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Container Việt Nam (Viconship), trên cơ sở đó đưa ra những giải pháp hoàn thiện.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Sử dụng số liệu năm 2010

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam (Viconship).

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Bùi Thị Thúy

Học hàm, học vị: Thạc sĩ. Giảng viên chính

Cơ quan công tác: Học viện tài chính

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện khóa luận tốt nghiệp.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 11 tháng 04 năm 2011

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 16 tháng 07 năm 2011

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Phan Thị Thương Thương

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

ThS.GVC Bùi Thị Thúy

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2011

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

- 1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:**
 - Trong thời gian thực tập làm khóa luận tốt nghiệp, sinh viên Phan Thị Thương Thương có tinh thần tích cực tìm hiểu thực tế để hoàn thành khóa luận.
 - Thái độ nghiêm túc tiếp thu ý kiến của giáo viên hướng dẫn.
- 2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):**

Khóa luận đã đảm bảo chất lượng, đáp ứng được nội dung về đào tạo cử nhân đại học: Khóa luận đã khái quát, hệ thống được những vấn đề lý luận liên quan đến kế toán nguyên vật liệu; trình bày được thực trạng về kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần Container Việt Nam, có số liệu trích dẫn, tính toán, minh họa về kế toán khá đầy đủ và hợp lý; khóa luận đưa ra được một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán ở đơn vị thực tế.
- 3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):**

9,5 điểm
(chín điểm rưỡi)

Hải Phòng, ngày 01 tháng 07 năm 2011

Cán bộ hướng dẫn

(họ tên và chữ ký)

Bùi Thị Thúy

PHIẾU NHẬN XÉT THỰC TẬP

Họ và tên sinh viên: Phan Thị Thương Thương Ngày sinh: 25/08/1989

Lớp: QT 1102KNgành: Kế toán kiểm toán Khóa: 11

Thực tập tại: Công ty Cổ phần Container Việt Nam (Viconship).

Từ ngày: 14 /02/2011 đến ngày 28/03/2011

1. Về tinh thần, thái độ, ý thức tổ chức kỷ luật:

Chấp hành nghiêm túc nội quy, kỷ luật lao động của công ty – Luôn tôn trọng, phục tùng các ý kiến hướng dẫn của cán bộ hướng dẫn thực tập.

2. Về những công việc được giao:

Cập nhật, tập hợp các số liệu về nghiệp vụ phát sinh hàng tháng trên sổ sách kế toán của công ty, cùng kế toán viên nắm bắt được hình thức hạch toán nhật kí để tổng hợp làm quyết toán.

3. Kết quả đạt được:

Báo cáo đề tài đạt yêu cầu.

Xác nhận của lãnh đạo cơ sở thực tập

Hải phòng, ngày 28 tháng 03 năm 2011
Cán bộ hướng dẫn thực tập của cơ sở

Phạm Thị Hoàng Loan

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I. LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP	3
1.1. SỰ CẦN THIẾT PHẢI TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP	3
1.1.1. Khái niệm nguyên vật liệu	3
1.1.2. Vị trí, vai trò của nguyên vật liệu	3
1.1.3. Đặc điểm, yêu cầu quản lý nguyên vật liệu trong doanh nghiệp	4
1.1.4. Nhiệm vụ kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp	4
1.2. TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP	5
1.2.1. Phân loại nguyên vật liệu	5
1.2.2. Đánh giá nguyên vật liệu	6
1.2.2.1. <i>Đánh giá nguyên vật liệu theo nguyên tắc giá gốc</i>	7
1.2.2.2. <i>Đánh giá nguyên vật liệu theo nguyên tắc giá hạch toán</i>	9
1.2.3. Nội dung của công tác hạch toán chi tiết nguyên vật liệu	10
1.2.3.1. <i>Chứng từ kế toán sử dụng</i>	10
1.2.3.2. <i>Các phương pháp hạch toán chi tiết nguyên vật liệu</i>	11
1.2.4. Tổ chức kế toán tổng hợp nguyên vật liệu	14
1.2.4.1. <i>Tài khoản kế toán</i>	15
1.2.4.2. <i>Các phương pháp hạch toán</i>	16
1.3. TỔ CHỨC HỆ THỐNG SỔ, BÁO CÁO KẾ TOÁN	27
CHƯƠNG II. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM (VICONSHIP)	28
2.1. KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM (VICONSHIP) ----	28
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty cổ phần Container Việt Nam (Viconship)	28
2.1.2. Đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh và tổ chức bộ máy quản lý	31
2.1.2.1. <i>Đặc điểm tổ chức kinh doanh</i>	31
2.1.2.1. <i>Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý</i>	31
2.1.3. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán	33
2.1.3.1. <i>Hình thức tổ chức bộ máy kế toán</i>	33
2.1.3.2. <i>Chế độ, chính sách kế toán áp dụng tại công ty</i>	35
2.2. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM (VICONSHIP)	37
2.2.1. Đặc điểm tình hình chung về nguyên vật liệu	37
2.2.1.1. <i>Phân loại nguyên vật liệu</i>	37
2.2.1.2. <i>Đặc điểm công tác quản lý</i>	37
2.2.1.3. <i>Đánh giá nguyên vật liệu</i>	38

2.2.2. Thủ tục nhập, xuất kho nguyên vật liệu và hạch toán ban đầu-----	40
2.2.2.1. Thủ tục nhập kho nguyên vật liệu-----	40
2.2.2.2. Thủ tục xuất kho nguyên vật liệu-----	48
2.2.3. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu -----	54
2.2.4. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu -----	61
2.2.4.1. Kế toán tổng hợp nhập kho nguyên vật liệu -----	61
2.2.4.2. Kế toán tổng hợp xuất kho nguyên vật liệu-----	69
2.2.5. Công tác kiểm kê nguyên vật liệu-----	71
CHƯƠNG III. MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ, SỬ DUNG VÀ HẠCH TOÁN KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM (VICONSHIP) -----	73
3.1. SỰ CẦN THIẾT PHẢI HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM (VICONSHIP)-----	73
3.2. NHẬN XÉT VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM (VICONSHIP) -----	74
3.2.1. Ưu điểm-----	74
3.2.2. Hạn chế -----	78
3.3. MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM (VICONSHIP)-----	79
KẾT LUẬN -----	84

LỜI MỞ ĐẦU

Trong nền kinh tế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, các doanh nghiệp được coi là các chủ thể kinh tế độc lập có quyền tự chủ trong các hoạt động sản xuất kinh doanh. Chính cơ chế đó đòi hỏi các doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển cần phải có những chiến lược cũng như các cách quản lý riêng để đảm bảo có lãi. Muốn vậy thì sản phẩm của doanh nghiệp phải đạt được hai yêu cầu tối thiểu là đảm bảo về chất lượng và hạ giá thành. Đối với các doanh nghiệp sản xuất, nguyên vật liệu là một phần tài sản, là yếu tố không thể thiếu của quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Là một phần của tài sản nên sự biến động của nguyên vật liệu sẽ ảnh hưởng đến tài sản của doanh nghiệp. Hơn nữa chi phí về nguyên vật liệu thường chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí sản phẩm của doanh nghiệp. Vì vậy, quản lý tốt nguyên vật liệu sẽ giúp doanh nghiệp quản lý được tài sản, tiết kiệm được chi phí, hạ giá thành sản phẩm từ đó tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Để quản lý và điều hành một doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả thì người quản lý doanh nghiệp cần phải biết kết hợp tốt các công cụ quản lý trong đó có công cụ kế toán. Kế toán là công cụ thu nhận, xử lý thông tin, hỗ trợ đắc lực cho quản trị doanh nghiệp. Để làm được điều đó kế toán cần phải tuân thủ các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán đã quy định, phản ánh đầy đủ tình hình và cung cấp số liệu kịp thời để giúp lãnh đạo điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh. Vì vậy để phát huy chức năng của mình, công tác kế toán nói chung và kế toán nguyên vật liệu nói riêng cần không ngừng được cải tiến và hoàn thiện nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý ngày càng cao của doanh nghiệp.

Để quản lý tốt nguyên vật liệu trong doanh nghiệp thì cần thiết phải tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu. Công tác kế toán nguyên vật liệu là công cụ giúp các nhà quản lý của các doanh nghiệp quản lý được toàn bộ hoạt động liên quan đến nguyên vật liệu của doanh nghiệp, giúp nhà quản lý ra quyết định đúng đắn ngay từ khâu mua đến việc dự trữ, bảo quản và sử dụng nguyên vật liệu như thế nào cho phù hợp và tiết kiệm. Thực tế, công tác quản lý nguyên vật liệu trong doanh nghiệp là công việc khó khăn và phức tạp, đòi hỏi người lãnh đạo phải biết tổ chức thu mua, dự trữ, cung ứng kịp thời cho quá trình sản xuất, tạo sự ổn định liên tục trong sản xuất, giúp doanh nghiệp đứng vững và phát triển. Quản lý nguyên vật liệu là một công việc vừa mang tính khoa học lại vừa mang tính nghệ thuật.

Sau 2 tháng thực tập tại công ty Công ty Cổ phần Container Việt Nam (Viconship) em đã bước đầu làm quen, vận dụng lý luận vào thực tế. Qua đó thấy được tầm quan trọng, vị trí then chốt của công tác kế toán nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp sản xuất nói chung và công ty Công ty Cổ phần Container Việt Nam nói riêng và được sự hướng dẫn nhiệt tình của ThS.GVC Bùi Thị Thủy cũng như sự giúp đỡ nhiệt tình của các cô, chú trong phòng kế toán em đã quyết định chọn đề tài "**Kế toán nguyên vật liệu tại công ty Cổ phần Container Việt Nam**" cho luận văn tốt nghiệp của mình.

Ngoài phần mở đầu, kết luận, đề tài của em gồm 3 chương:

Chương I : Lý luận chung về kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

Chương II : Thực trạng tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty Cổ phần Container Việt Nam (Viconship).

Chương III : Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty Cổ phần Container Việt Nam (Viconship).

Do thời gian và trình độ có hạn nên đề tài không tránh khỏi những sai sót. Em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của thầy cô và các bạn.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG I**LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP****1.1. SỰ CẦN THIẾT PHẢI TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP.****1.1.1. Khái niệm nguyên vật liệu:**

Nguyên liệu, vật liệu của doanh nghiệp là những đối tượng lao động mua ngoài hoặc tự chế biến dùng cho mục đích sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Nguyên vật liệu thuộc loại hàng tồn kho của doanh nghiệp và là một đối tượng lao động đã được thể hiện dưới dạng vật hóa như sắt, thép trong công nghiệp cơ khí chế tạo, bông trong doanh nghiệp dệt ... dưới sự tác động của con người. Nguyên vật liệu chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất nhất định và khi tham gia vào chu kỳ sản xuất dưới sự tác động của lao động, toàn bộ giá trị nguyên vật liệu được chuyển một lần vào chi phí sản xuất kinh doanh.

1.1.2. Vị trí, vai trò của nguyên vật liệu:

Bất kỳ một doanh nghiệp nào khi tiến hành sản xuất đều phải có ba yếu tố cơ bản là: tư liệu lao động, đối tượng lao động, sức lao động. Tuy nhiên, để bắt đầu một giai đoạn sản xuất nào thì cũng phải cần đến nguyên vật liệu. Nguyên vật liệu chính là đối tượng lao động, là một trong ba yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất, là cơ sở sản xuất hình thành nên sản phẩm và là bộ phận quan trọng trong tổng số tồn kho ở doanh nghiệp.

Trong sản xuất kinh doanh, chi phí nguyên vật liệu thường chiếm tỷ trọng cao trong tổng số chi phí để tạo ra sản phẩm. Do đó nguyên vật liệu là nhân tố quyết định đến sự thành bại của quá trình sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp. Nguyên vật liệu không chỉ ảnh hưởng đến số lượng mà còn ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm. Bên cạnh chất lượng sản phẩm được bảo đảm thì phải nói đến giá cả, giá thành sản phẩm phải hợp lý thì doanh nghiệp mới có chỗ đứng để tồn tại và phát triển trong cơ chế thị trường như hiện nay. Điều đó khiến doanh nghiệp phải quản lý nguyên vật liệu từ khâu thu mua, bảo quản và sử dụng vật liệu thật chặt chẽ nhằm tiết kiệm tối đa chi phí sản xuất, giảm mức tiêu hao vật liệu trong quá trình sản xuất, giảm giá thành sản phẩm góp phần tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

1.1.3. Đặc điểm, yêu cầu quản lý nguyên vật liệu trong doanh nghiệp:

- Đặc điểm nguyên vật liệu:
 - Chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất chế tạo sản phẩm và cung cấp dịch vụ.
 - Khi tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, nguyên vật liệu thay đổi toàn bộ hình thái vật chất ban đầu và giá trị được chuyển toàn bộ, một lần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.
- Yêu cầu quản lý:

Quản lý nguyên vật liệu là yêu cầu khách quan của mọi nền kinh tế. Do đó quản lý nguyên vật liệu không những về mặt hiện vật mà về cả mặt giá trị trong các khâu từ khâu thu mua, dự trữ, bảo quản đến khâu sử dụng.

- *Khâu thu mua*: để có được nguyên vật liệu đáp ứng kịp thời quá trình sản xuất kinh doanh thì nguồn chủ yếu là thu mua. Do đó, ở khâu này đòi hỏi phải quản lý chặt chẽ về số lượng, quy cách, chủng loại, giá mua, chi phí thu mua và cả tiến độ về thời gian phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, có như vậy sẽ góp phần hạ thấp được hao phí nguyên vật liệu trong giá thành.

- *Khâu bảo quản*: doanh nghiệp phải tổ chức tốt kho tàng, bến bãi, thực hiện đúng chế độ bảo quản và xác định được định mức dự trữ tối thiểu, tối đa cho từng loại nguyên vật liệu để giảm bớt hư hỏng, hao hụt, mất mát đảm bảo an toàn, giữ được chất lượng của nguyên vật liệu.

- *Khâu sử dụng*: phải tuân thủ việc sử dụng hợp lý, tiết kiệm trên cơ sở định mức tiêu hao, dự toán chi phí nhằm giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Ngoài việc quản lý nguyên vật liệu về mặt hiện vật, thường xuyên kiểm kê, tránh gây mất mát thì quản lý về mặt giá trị cũng rất quan trọng. Tránh để tình trạng ứ đọng nguyên vật liệu, làm cho chất lượng bị giảm sút.

Tóm lại, nguyên vật liệu là yếu tố đầu tiên trong quá trình tạo ra sản phẩm. Muốn sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng cao và tạo được uy tín trên thị trường thì nhất định phải tổ chức tốt khâu quản lý vật liệu, phải thường xuyên cải tạo nâng cấp kho tàng bến bãi, phân công trách nhiệm cụ thể đến từng cá nhân, nâng cao ý thức trách nhiệm cho người lao động.

1.1.4. Nhiệm vụ kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp:

- Thực hiện tốt việc phân loại đánh giá nguyên vật liệu phù hợp với các nguyên tắc chuẩn mực kế toán đã quy định và yêu cầu trong quản trị doanh nghiệp.

- Tổ chức ghi chép, phản ánh đầy đủ, tổng hợp số liệu về tình hình thu mua, vận chuyển, bảo quản, nhập – xuất – tồn kho nguyên vật liệu, tình hình luân chuyển vật tư hàng hóa cả về giá trị và hiện vật. Tính toán đúng giá vốn thực tế của vật liệu đã thu mua, nhập và xuất kho nhằm đảm bảo cung cấp các thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời phục vụ cho quá trình sản xuất và yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

- Áp dụng đúng đắn các phương pháp, kỹ thuật hạch toán hàng tồn kho, mở sổ (thẻ) kế toán chi tiết để ghi chép phản ánh, phân loại, tổng hợp số liệu... về tình hình hiện có và sự biến động tăng giảm trong quá trình sản xuất kinh doanh, cung cấp số liệu kịp thời để tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

- Kiểm tra việc thực hiện mua hàng, tình hình dự trữ và sử dụng nguyên vật liệu theo dự toán, tiêu chuẩn, định mức chi phí và phát hiện các trường hợp ứ đọng hoặc bị thiếu hụt, lãng phí, xác định nguyên nhân và biện pháp xử lý.

- Tham gia kiểm kê và đánh giá nguyên vật liệu theo chế độ quy định của nhà nước, lập các báo cáo về vật liệu phục vụ cho công tác quản lý và lãnh đạo, tiến hành phân tích đánh giá vật liệu ở từng khâu nhằm đưa ra đầy đủ các thông tin cần thiết cho quá trình quản lý.

1.2. TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP

1.2.1. Phân loại nguyên vật liệu:

Trong các doanh nghiệp sản xuất nguyên vật liệu bao gồm nhiều loại, nhiều thứ khác nhau với nội dung kinh tế và tính năng lý hóa học khác nhau. Để có thể quản lý một cách chặt chẽ và tổ chức hạch toán với từng thứ, loại vật liệu phục vụ cho kế toán quản trị cần thiết phải tiến hành phân loại vật liệu. Phân loại vật liệu là việc sắp xếp vật liệu có cùng một tiêu thức nào đó vào cùng một loại.

- Căn cứ vào nội dung kinh tế và yêu cầu quản lý, vật liệu được chia thành các loại sau:

- Nguyên vật liệu chính: là đối tượng lao động cấu thành nên thực thể của sản phẩm. Ở các doanh nghiệp khác nhau thì nguyên liệu, vật liệu chính cũng khác nhau. Nguyên liệu cũng bao gồm cả nửa thành phẩm mua ngoài với mục đích tiếp tục quá trình sản xuất chế tạo ra sản phẩm hàng hóa.

Ví dụ: sắt thép trong các doanh nghiệp chế tạo máy, bông trong các nhà máy sợi, hạt giống, phân bón trong nông nghiệp...

- Vật liệu phụ: là những vật liệu khi sử dụng không cấu thành thực thể chính của sản phẩm, nhưng được sử dụng kết hợp với vật liệu chính để nâng cao chất lượng cũng như tính năng, công dụng của sản phẩm.

Ví dụ: thuốc nhuộm, thuốc tẩy, dầu nhờn, nhãn mác...

- Nhiên liệu: được dùng để tạo ra năng lượng phục vụ cho hoạt động của máy móc thiết bị. Nhiên liệu có thể tồn tại ở thể lỏng, thể khí, thể rắn như: than, củi, xăng dầu, hơi đốt, khí đốt...

- Phụ tùng thay thế: bao gồm các loại vật liệu được sử dụng để thay thế, sửa chữa máy móc thiết bị hoặc phương tiện vận tải.

- Thiết bị xây dựng cơ bản: bao gồm những vật liệu, công cụ, khí cụ và vật kết cấu dùng để lắp đặt vào các công trình xây dựng cơ bản.

- Vật liệu khác: là những vật liệu được loại ra từ quá trình sản xuất dùng để đóng gói, hoặc phế liệu thu hồi từ thanh lý tài sản cố định.

- Căn cứ vào nguồn cung cấp, nguyên vật liệu được chia thành:

- Nguyên vật liệu mua ngoài: do doanh nghiệp mua trong nước và nhập khẩu.

- Nguyên vật liệu tự sản xuất: do doanh nghiệp tự sản xuất phục vụ cho nhu cầu sản xuất của mình.

Ví dụ: trồng cây lấy gỗ...

- Nguyên vật liệu từ các nguồn khác: nhận góp vốn liên doanh, nhượng bán, đem quyên tặng...

1.2.2. Đánh giá nguyên vật liệu:

Đánh giá nguyên vật liệu là việc xác định giá trị của nguyên vật liệu ở những thời điểm nhất định và theo những nguyên tắc nhất định. Về nguyên tắc nguyên vật liệu là tài sản ngắn hạn thuộc nhóm hàng tồn kho nên phải được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí thu mua, chi phí chế biến và các loại chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Có 2 nguyên tắc đánh giá:

- Nguyên tắc đánh giá theo giá gốc
- Nguyên tắc đánh giá theo giá hạch toán.

1.2.2.1. Đánh giá nguyên vật liệu theo nguyên tắc giá gốc:

➤ Giá thực tế nhập kho:

Giá thực tế nguyên vật liệu nhập kho được phản ánh theo từng nguồn nhập:

▪ *Nhập kho do mua ngoài:*

$$\begin{matrix} \text{Trị giá vốn thực} & & \text{Giá mua} & & \text{Các loại thuế không} & & \text{Chi phí thu} & & \text{Các khoản} \\ \text{tế của NVL} & = & \text{thực tế} & + & \text{được hoàn lại} & + & \text{mua thực tế} & - & \text{giảm trừ} \\ \text{nhập kho} & & & & \text{(TTĐB, NK...)} & & & & \end{matrix}$$

Trong đó:

- Đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ: Giá mua là giá chưa có thuế GTGT.

- Đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp hoặc không thuộc đối tượng nộp thuế GTGT thì giá mua là giá đã có thuế GTGT (là tổng giá thanh toán).

- Đối với vật liệu doanh nghiệp tự gia công, chế biến:

$$\begin{matrix} \text{Giá vốn thực tế của vật liệu} & = & \text{Giá thực tế của vật liệu gia} & + & \text{Chi phí gia công,} \\ \text{nhập kho} & & \text{công, chế biến} & & \text{chế biến} \end{matrix}$$

- Đối với vật liệu do doanh nghiệp thuê ngoài gia công, chế biến:

$$\begin{matrix} \text{Giá vốn thực tế} & & \text{Giá vốn thực tế của vật} & & \text{Chi phí} & & \text{Chi phí vận chuyển bốc} \\ \text{của vật liệu} & = & \text{liệu xuất kho thuê gia} & + & \text{thuê gia} & + & \text{dỡ khi giao nhận (nếu} \\ \text{nhập kho} & & \text{công} & & \text{công} & & \text{có)} \end{matrix}$$

- Đối với vật liệu do được cấp:

$$\begin{matrix} \text{Giá vốn thực tế của vật liệu} & = & \text{Giá vốn ghi trên biên bản} & + & \text{Chi phí phát sinh trong} \\ \text{nhập kho} & & \text{giao nhận} & & \text{giao nhận} \end{matrix}$$

- Đối với vật liệu do được biếu tặng tài trợ:

$$\begin{matrix} \text{Giá vốn thực tế của vật} & = & \text{Giá trị hợp lý} & + & \text{Các chi phí hợp lý phát} \\ \text{liệu nhập kho} & & & & \text{sinh khi nhận} \end{matrix}$$

- Đối với vật liệu do nhận góp vốn liên doanh:

Giá vốn thực tế của vật liệu nhập kho = Giá vốn do hội đồng liên doanh thỏa thuận + Các chi phí phát sinh khi tiếp nhận NVL

➤ Giá thực tế xuất kho:

Do thời điểm nhập vật liệu và xuất vật liệu là khác nhau về số lượng và giá cả, vì vậy việc tính trị giá vốn của nguyên vật liệu xuất kho được thực hiện theo một trong bốn phương pháp quy định trong Chuẩn mực kế toán số 02 “Hàng tồn kho”:

▪ *Phương pháp đích danh:*

Phương pháp này thường được áp dụng trong các doanh nghiệp có điều kiện bảo quản riêng từng lô hàng, các loại hàng đặc biệt có giá trị và mang tính tách biệt cao như vàng, bạc, kim loại quý...

Giá thực tế vật liệu xuất = Số lượng vật liệu xuất theo từng lô, lần xuất x Giá thực tế vật liệu nhập theo từng lô, lần nhập

▪ *Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập hoặc cuối kỳ:*

Theo phương pháp này, trị giá vốn thực tế nguyên vật liệu xuất kho được tính căn cứ vào số lượng nguyên vật liệu xuất kho và đơn giá tính bình quân. Phương pháp này thường được áp dụng trong các doanh nghiệp có tính ổn định về giá cả vật tư hàng hoá khi nhập, xuất kho. Công thức tính:

Trị giá vốn thực tế NVL xuất kho = Số lượng NVL xuất kho x Đơn giá bình quân gia quyền

Trong đó, đơn giá thực tế bình quân được xác định như sau:

$$\text{Đơn giá bình quân} = \frac{\text{Trị giá thực tế vật liệu tồn đầu kỳ} + \text{Tổng trị giá thực tế vật liệu nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng vật liệu tồn đầu kỳ} + \text{Tổng số lượng vật liệu nhập trong kỳ}}$$

- Đơn giá bình quân có thể được xác định cho cả kỳ được gọi là đơn giá bình quân cả kỳ. Với cách tính này khối lượng công việc tính toán sẽ giảm bớt nhưng thông tin sẽ không được cung cấp kịp thời vì chỉ tính được trị giá vốn thực tế của vật liệu xuất kho vào thời điểm cuối kỳ.

- Đơn giá bình quân có thể được xác định sau mỗi lần nhập được gọi là đơn giá bình quân liên hoàn. Với cách tính này khối lượng công việc tính toán sẽ nhiều nhưng sẽ đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời, phương pháp này thích hợp với doanh nghiệp áp dụng kế toán máy.

▪ *Phương pháp nhập trước – xuất trước (FIFO)*

Phương pháp này dựa trên giả định hàng nào nhập trước sẽ được xuất trước và lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Trị giá nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ được tính theo đơn giá của những lần nhập sau cùng.

Trị giá thực tế NVL xuất kho = Giá thực tế đơn vị của NVL nhập kho theo từng lần nhập kho trước x Số lượng NVL xuất kho trong kỳ thuộc số lượng từng lần nhập kho

▪ *Phương pháp nhập sau – xuất trước (LIFO)*

Phương pháp này dựa trên giả định là nguyên vật liệu nào nhập kho sau thì xuất kho trước, lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Trị giá nguyên vật liệu tồn kho cuối kì được tính theo đơn giá của những lần nhập đầu tiên. Với phương pháp này, công việc tính toán được tiến hành thường xuyên và đơn giản hơn so với phương pháp FIFO. Phương pháp này áp dụng thích hợp trong trường hợp lạm phát.

1.2.2.2. Đánh giá nguyên vật liệu theo nguyên tắc giá hạch toán

- Giá hạch toán nguyên vật liệu là giá do doanh nghiệp tự quy định và được sử dụng thống nhất ở doanh nghiệp trong thời gian dài. Hàng ngày kế toán sẽ sử dụng giá hạch toán để ghi sổ chi tiết giá trị nguyên vật liệu nhập xuất tồn, cuối kỳ kế toán phải tính hệ số chênh lệch giữa giá thực tế và giá hạch toán của nguyên vật liệu để tính giá thực tế của nguyên vật liệu xuất dùng trong kỳ để ghi sổ tổng hợp theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Hệ số chênh lệch} \\ \text{giữa giá thực tế và} \\ \text{giá hạch toán của} \\ \text{NVL} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Giá thực tế của NVL tồn} \\ \text{kho đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Giá thực tế của NVL nhập kho} \\ \text{trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Giá hạch toán của NVL tồn} \\ \text{kho đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Giá hạch toán của NVL nhập} \\ \text{kho trong kỳ} \end{array}}$$

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế của NVL} \\ \text{xuất dùng trong kỳ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá hạch toán của NVL} \\ \text{xuất dùng trong kỳ} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Hệ số chênh lệch giữa giá thực} \\ \text{tế và giá hạch toán của NVL} \end{array}$$

1.2.3. Nội dung của công tác hạch toán chi tiết nguyên vật liệu

Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu là việc hạch toán kết hợp giữa thủ kho và phòng kế toán trên cơ sở các chứng từ nhập, xuất kho nhằm đảm bảo theo dõi chặt chẽ số hiện có và tình hình biến động từng loại, nhóm, thứ nguyên vật liệu về số lượng và giá trị. Các doanh nghiệp phải tổ chức hệ thống chứng từ, mở các sổ kế toán chi tiết và vận dụng phương pháp hạch toán chi tiết nguyên vật liệu phù hợp để góp phần tăng cường quản lý nguyên vật liệu.

1.2.3.1. Chứng từ kế toán sử dụng

Theo chế độ chứng từ kế toán quy định ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, các chứng từ kế toán nguyên vật liệu bao gồm:

- Phiếu nhập kho (Mẫu 01-VT)
- Phiếu xuất kho (Mẫu 02-VT)
- Biên bản kiểm nghiệm vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hoá (Mẫu 03-VT)
- Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ (Mẫu 04-VT)
- Biên bản kiểm kê vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hoá (Mẫu 05-VT)
- Bảng kê mua hàng (Mẫu 06-VT)

- Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ (Mẫu 07-VT)
- Hoá đơn giá trị gia tăng (Mẫu 01GTGT-3LL)
- Hoá đơn bán hàng thông thường (Mẫu 02GTGT-3LL)
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ (Mẫu 03P XK-3LL)

1.2.3.2. Các phương pháp hạch toán chi tiết nguyên vật liệu

Tổ chức tốt kế toán chi tiết nguyên vật liệu có ý nghĩa quan trọng đối với công tác bảo quản vật liệu và công tác kiểm tra tình hình cung cấp, sử dụng vật liệu. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu được thực hiện theo một trong ba phương pháp sau:

❖ *Phương pháp ghi thẻ song song:*

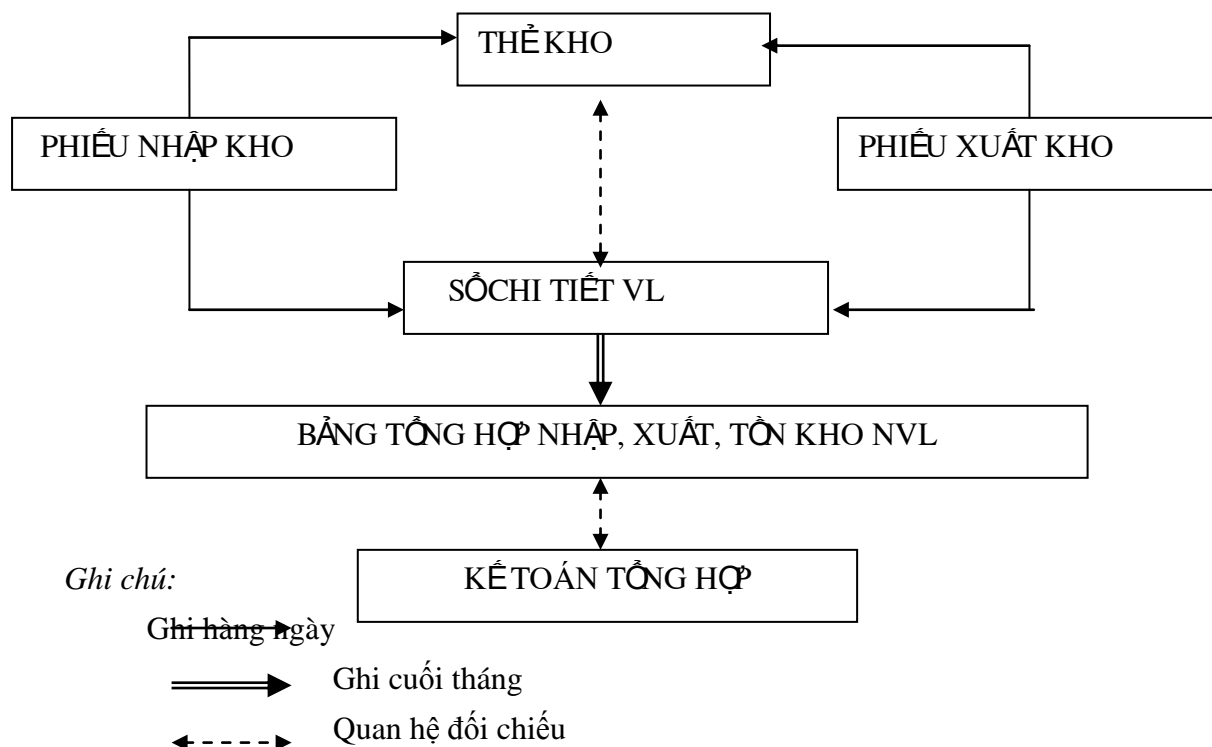
▪ Nội dung:

- Ở kho: Thủ kho sử dụng “thẻ kho” để ghi chép hàng ngày tình hình nhập-xuất-tồn kho của từng thứ vật liệu theo chỉ tiêu số lượng. Khi nhận được các chứng từ nhập, xuất kho, thủ kho phải kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ rồi tiến hành ghi chép các số thực nhập, thực xuất vào chứng từ và thẻ kho, cuối ngày tính ra số vật liệu tồn kho trên thẻ kho. Định kỳ thủ kho gửi các chứng từ nhập xuất cho kế toán đã được phân loại theo từng thứ vật liệu.

- Ở phòng kế toán: Kế toán sử dụng các sổ hoặc thẻ chi tiết vật liệu để theo dõi tình hình nhập xuất tồn kho của từng thứ vật liệu theo cả chỉ tiêu số lượng và giá trị. Hàng ngày hoặc định kỳ, khi nhận được chứng từ nhập xuất vật liệu do thủ kho gửi lên, kế toán phải tiến hành kiểm tra lại chứng từ, xác định giá trị hoàn chỉnh chứng từ và phản ánh vào các sổ chi tiết vật liệu.

Cuối tháng, căn cứ vào các sổ chi tiết vật liệu để lập bảng tổng hợp nhập xuất tồn vật liệu.

▪ Sơ đồ hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song:



❖ Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển:

▪ Nội dung:

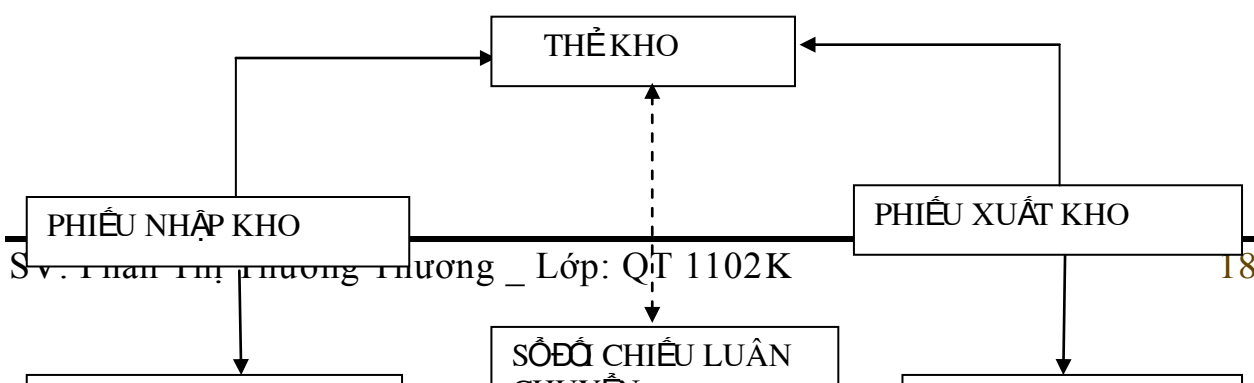
- Ở kho: Thủ kho vẫn sử dụng “thẻ kho” để ghi chép tình hình nhập xuất tồn của từng loại nguyên vật liệu về mặt số lượng.

- Ở phòng kế toán: Kế toán mở sổ đối chiếu luân chuyển để ghi chép tình hình nhập xuất từng loại vật liệu cả về mặt số lượng và mặt giá trị. Sổ đối chiếu luân chuyển được mở cho cả năm và được ghi chép mỗi tháng 1 lần vào cuối tháng, mỗi danh điểm vật liệu được ghi vào một dòng trên sổ.

Hàng ngày, khi nhận được các chứng từ nhập xuất kho, kế toán sẽ tiến hành kiểm tra hoàn chỉnh chứng từ, tiến hành phân loại theo từng loại vật liệu riêng hoặc có thể lập “bảng kê nhập” và “bảng kê xuất”.

Cuối tháng, tập hợp số liệu từ các chứng từ hoặc bảng kê ghi vào sổ đối chiếu luân chuyển và tính ra số tồn cuối tháng. Tiến hành đối chiếu số liệu giữa sổ đối chiếu luân chuyển với thẻ kho và số liệu kế toán tổng hợp.

▪ Sơ đồ hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển:



Ghi chú:
 → Ghi hàng ngày
 ⇨ Ghi cuối tháng
 ⇄ Quan hệ đối chiếu

❖ *Phương pháp sổ dư:*

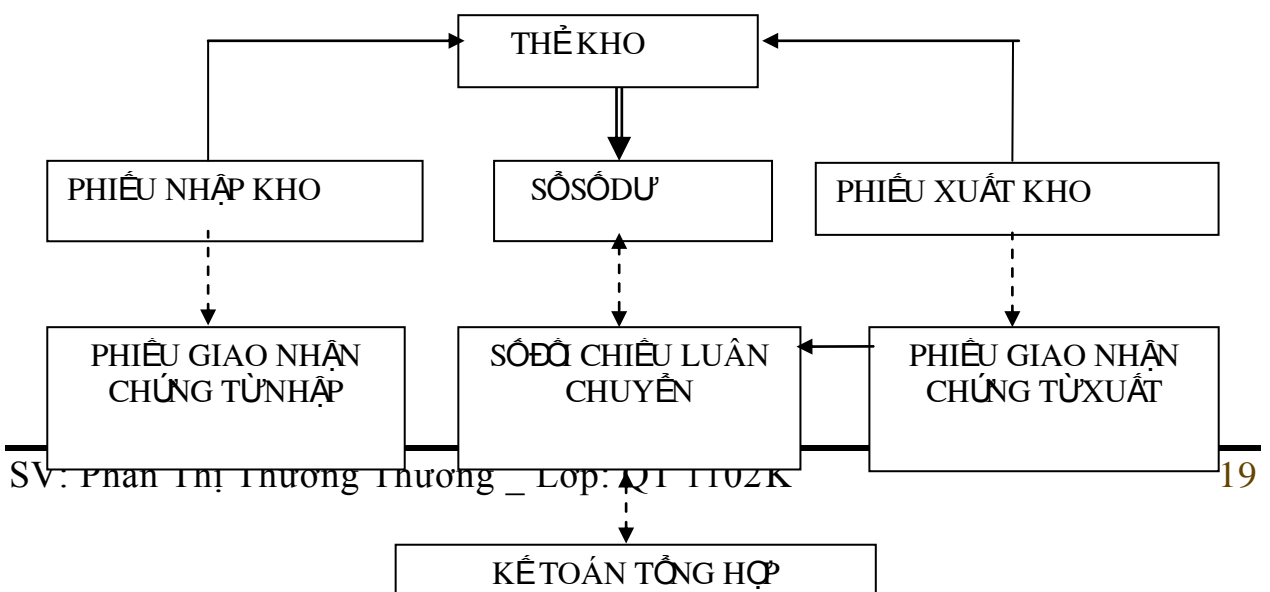
▪ Nội dung:

- Ở kho: Thủ kho vẫn sử dụng thẻ kho để ghi chép tình hình nhập xuất tồn kho theo chỉ tiêu số lượng của từng loại vật liệu. Hàng ngày hoặc định kỳ, sau khi ghi thẻ kho, thủ kho phải tập hợp toàn bộ chứng từ nhập xuất kho phát sinh theo từng vật liệu, dụng cụ, sản phẩm quy định. Sau đó, lập phiếu giao nhận chứng từ và nộp cho kế toán viên kèm theo các chứng từ nhập, xuất kho vật liệu, dụng cụ, sản phẩm. Ngoài ra, thủ kho còn phải ghi số lượng vật liệu, dụng cụ, sản phẩm tồn kho cuối tháng theo từng danh điểm vào sổ sổ dư.

- Ở phòng kế toán: Kế toán định kỳ xuống kho hướng dẫn và kiểm tra lại việc ghi chép trên thẻ kho của thủ kho và thu nhận chứng từ nhập xuất kho. Khi nhận được chứng từ, nhân viên kế toán kiểm tra lại chứng từ, hoàn chỉnh chứng từ và tổng cộng số tiền và ghi vào cột số tiền trên phiếu giao nhận chứng từ. Đồng thời, ghi số tiền vừa tính được của từng nhóm vật liệu, dụng cụ, sản phẩm (nhập riêng, xuất riêng) vào bảng lũy kế nhập, xuất, tồn kho.

Tiếp đó, cộng số tiền nhập, xuất trong tháng và dựa vào số dư đầu tháng để tính ra số dư cuối tháng của từng nhóm vật liệu, dụng cụ, sản phẩm. Số dư này được dùng để đối chiếu với cột “số tiền” trên sổ sổ dư (số liệu trên sổ sổ dư do sổ kế toán vật tư tính bằng cách lấy số lượng tồn kho × giá hạch toán)

▪ Sơ đồ hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ dư:





<i>Ghi chú:</i>	————→	Ghi hàng ngày
	====→	Ghi cuối tháng
	←-----→	Quan hệ đối chiếu

1.2.4. Tổ chức kế toán tổng hợp nguyên vật liệu:

Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu là việc ghi chép sự biến động về mặt giá trị của nguyên vật liệu trên các sổ sách kế toán tổng hợp. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu trong doanh nghiệp thường có 2 cách:

- Phương pháp kế toán kê khai thường xuyên
- Phương pháp kiểm kê định kỳ

1.2.4.1. Tài khoản kế toán:

- *Tài khoản 152 – nguyên vật liệu:* Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động tăng, giảm của các loại nguyên vật liệu trong kho của doanh nghiệp. Kết cấu của tài khoản:

Bên Nợ:

- Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu nhập kho do mua ngoài, tự chế, thuê ngoài gia công, chế biến, nhận góp vốn hoặc từ các nguồn khác.
- Trị giá nguyên liệu, vật liệu thừa phát hiện khi kiểm kê.
- Kết chuyển trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ (trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

Bên Có:

- Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu xuất kho dùng vào sản xuất kinh doanh, để bán, thuê ngoài gia công, chế biến hoặc đưa đi góp vốn.
- Trị giá thực tế của nguyên vật liệu trả lại người bán hoặc được giảm giá hàng mua.
- Chiết khấu thương mại nguyên liệu, vật liệu khi mua được hưởng.
- Trị giá nguyên liệu, vật liệu hao hụt, mất mát phát hiện khi kiểm kê
- Kết chuyển trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho đầu kỳ (trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ)

Số dư bên Nợ:

- Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ

Ngoài ra, tài khoản này có thể mở theo dõi chi tiết các tài khoản cấp 2 theo từng loại nguyên vật liệu phù hợp với cách phân loại theo nội dung kinh tế và yêu cầu quản trị của doanh nghiệp gồm:

TK 1521: Nguyên liệu, vật liệu chính

TK 1522: Vật liệu phụ

TK 1523: Nhiên liệu

TK 1524: Phụ tùng thay thế

TK 1525: Vật liệu và thiết bị xây dựng cơ bản.

- *Tài khoản 151 – hàng mua đang đi đường*: Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá của các loại hàng hoá vật tư (nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hoá) mua ngoài đã thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp còn đang trên đường vận chuyển, ở bến cảng, bến bãi hoặc đã về đến doanh nghiệp nhưng còn đang chờ kiểm nhận nhập kho.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 151:

Bên Nợ:

- Trị giá hàng vật tư đã mua đang đi đường.

- Kết chuyển trị giá thực tế của hàng vật tư mua đang đi đường cuối kỳ (trường hợp doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

Bên Có:

- Trị giá hàng hoá, vật tư đã mua đang đi đường đã về nhập kho hoặc đã chuyển giao thẳng cho khách hàng;

- Kết chuyển trị giá thực tế của hàng vật tư mua đang đi đường đầu kỳ (trường hợp doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

Số dư bên Nợ:

- Trị giá hàng hoá vật tư đã mua nhưng còn đang đi đường (chưa về nhập kho đơn vị).

1.2.4.2. Các phương pháp hạch toán:

a. Phương pháp kê khai thường xuyên:

➤ *Khái niệm*: Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp kế toán theo dõi và phản ánh tình hình hiện có, biến động tăng giảm hàng tồn kho một cách thường xuyên liên tục trên các tài khoản kế toán hàng tồn kho. Phương pháp này được sử dụng phổ biến ở nước ta vì những tiện ích của nó như: độ chính xác cao, cung cấp thông tin về hàng tồn kho một cách kịp thời cập nhật.

➤ *Tài khoản sử dụng*:

TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

TK 151 - Hàng mua đang đi đường

TK 331 - Phải trả người bán

Ngoài ra kế toán còn sử dụng các tài khoản liên quan khác như: TK 111, TK 112, TK 141, TK128, TK 241, TK 411, TK 627, TK 641, TK 642...

➤ *Trình tự kế toán nhập xuất nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên*:

✚ Định khoản một số nghiệp vụ chủ yếu:

1. Khi mua nguyên liệu, vật liệu về nhập kho của đơn vị, căn cứ hóa đơn, phiếu nhập kho và các chứng từ có liên quan phản ánh giá trị nguyên liệu, vật liệu nhập kho:

- Đối với NVL mua vào dùng để sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu (Giá mua chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có các TK 111,112,141,331,... (Tổng giá thanh toán).

- Đối với NVL mua vào dùng để sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp hoặc dùng để sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế GTGT... ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu (Tổng giá thanh toán)

Có các TK 111,112,141,331,311,... (Tổng giá thanh toán).

2. Trường hợp mua nguyên vật liệu được hưởng chiết khấu thương mại thì phải ghi giảm giá gốc nguyên vật liệu đã mua đối với khoản chiết khấu thương mại thực tế được hưởng, ghi:

Nợ các TK 111,112,331...

Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu (Giá mua chưa có thuế GTGT)

Có TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331) (nếu có).

3. Trường hợp nguyên liệu, vật liệu mua về nhập kho nhưng đơn vị phát hiện không đúng quy cách, phẩm chất theo hợp đồng ký kết phải trả lại người bán hoặc được giảm giá, kế toán phản ánh giá trị hàng mua xuất kho trả lại hoặc được giảm giá, ghi:

Nợ các TK 111,112,331...

Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu (Giá mua chưa có thuế GTGT)

Có TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331) (nếu có).

4. Trường hợp doanh nghiệp đã nhận được hoá đơn mua hàng nhưng nguyên liệu, vật liệu chưa về nhập kho đơn vị thì kế toán lưu hoá đơn vào tập hồ sơ riêng “ Hàng mua đang đi đường”.

4.1. Nếu trong tháng hàng về thì căn cứ vào hoá đơn, phiếu nhập kho để ghi vào Tài khoản 152 “Nguyên liệu, vật liệu”.

4.2. Nếu đến cuối tháng nguyên vật liệu vẫn chưa về thì căn cứ vào hoá đơn (trường hợp nguyên liệu, vật liệu dùng vào sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ), kế toán ghi:

Nợ TK 151 - Hàng mua đang đi đường

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 331 - Phải trả người bán; hoặc

Có các TK 111,112,141,...

Sang tháng sau, khi nguyên liệu, vật liệu về nhập kho, căn cứ vào hoá đơn và phiếu nhập kho, ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

Có TK 151 - Hàng mua đang đi đường

5. Khi trả tiền người bán, nếu được hưởng chiết khấu thanh toán, thì khoản chiết khấu thanh toán thực tế được hưởng được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả người bán

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính (Chiết khấu thanh toán).

6. Đối với nguyên liệu, vật liệu nhập khẩu dùng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, kế toán phản ánh vào giá gốc nguyên liệu, vật liệu nhập khẩu theo giá có thuế nhập khẩu, ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu (Giá có thuế nhập khẩu)

Có TK 331 - Phải trả người bán

Có TK 3333 - Thuế xuất nhập khẩu (chi tiết thuế nhập khẩu)

Đồng thời phản ánh thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp được khấu trừ:

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33312 - Thuế GTGT hàng NK)

- Nếu nguyên liệu, vật liệu nhập khẩu chịu thuế tiêu thụ đặc biệt thì số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp được phản ánh vào giá gốc nguyên liệu, vật liệu nhập khẩu, ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu (Giá có thuế TTĐB của hàng NK)

Có TK 331 - Phải trả người bán

Có TK 3332 - Thuế tiêu thụ đặc biệt

7. Các chi phí thu mua, bốc xếp, vận chuyển nguyên liệu, vật liệu từ nơi mua về kho doanh nghiệp, trường hợp nguyên liệu, vật liệu mua về dùng vào sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có các TK 111,112,141,331,...

8. Đối với nguyên vật liệu nhập kho do thuê ngoài gia công, chế biến:

- Khi xuất nguyên liệu, vật liệu đưa đi gia công, chế biến, ghi:

Nợ TK 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

- Khi phát sinh chi phí thuê ngoài gia công, chế biến, ghi:

Nợ TK 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có các TK 111,112,141,331,...

- Khi nhập lại kho số nguyên vật liệu thuê ngoài gia công, chế biến xong

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

Có TK 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

9. Đối với nguyên liệu, vật liệu nhập kho do tự chế:

- Khi xuất kho nguyên liệu, vật liệu để tự chế biến, ghi:

Nợ TK 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

- Khi nhập kho nguyên liệu, vật liệu nhập kho do tự chế biến, ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

Có TK 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

10. Đối với nguyên liệu, vật liệu thừa phát hiện khi kiểm kê đã xác định được nguyên nhân thì căn cứ nguyên nhân thừa để ghi sổ, nếu chưa xác định được nguyên nhân thì căn cứ vào giá trị nguyên liệu, vật liệu thừa ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

Có TK 338 - Phải trả phải nộp khác (3381 - Tài sản thừa chờ giải quyết)

- Khi có quyết định xử lý nguyên liệu, vật liệu thừa khi phát hiện trong kiểm kê, căn cứ quyết định xử lý, ghi:

Nợ TK 338 - Phải trả phải nộp khác (3381)

Có tài khoản khác có liên quan

- Nếu xác định ngay khi kiểm kê số nguyên liệu, vật liệu thừa là của các đơn vị khác khi nhập kho chưa ghi tăng TK 152 thì không ghi vào bên Có Tài khoản 338 (3381) mà ghi vào bên Nợ Tài khoản 002 “Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công”. Khi trả lại nguyên liệu, vật liệu cho đơn vị kế toán khác ghi vào bên Có Tài khoản 022 (Tài khoản ngoài bảng cân đối kế toán).

11. Khi xuất kho nguyên liệu, vật liệu sử dụng vào sản xuất, kinh doanh, ghi:

Nợ TK 621 - Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp

Nợ TK 326,627,641,642....

Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

12. Xuất nguyên liệu, vật liệu sử dụng cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sửa chữa lớn TSCĐ, ghi:

Nợ TK 241 - Xây dựng cơ bản

Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

13. Đối với nguyên liệu, vật liệu đưa đi góp vốn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát:

- Khi nguyên liệu, vật liệu đưa đi góp vốn liên doanh, ghi:

Nợ TK 222 - Vốn góp liên doanh (Theo giá đánh giá lại)

Nợ TK 811 - Chi phí khác (Chênh lệch giữa giá đánh giá lại nhỏ hơn giá trị ghi sổ)

Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu (Theo giá trị ghi sổ)

Có TK 711 - Thu nhập khác (Chênh lệch giữa giá đánh giá lại > giá trị ghi sổ của NVL tương ứng với phần lợi ích của các bên khác trong liên doanh)

Có TK 3387 - Doanh thu chưa thực hiện (Chênh lệch giữa giá đánh giá lại lớn hơn giá trị ghi sổ của nguyên liệu, vật liệu tương ứng với phần lợi ích của mình trong liên doanh).

- Khi cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát đã bán thành phẩm sản xuất bằng NVL nhận góp vốn, hoặc bán số NVL đó cho bên thứ ba độc lập, bên góp vốn liên doanh kết chuyển phần doanh thu chưa thực hiện vào thu nhập khác trong kỳ, ghi:

Nợ TK 3387 - Doanh thu chưa thực hiện

Có TK 711 - Thu nhập khác

14. Khi xuất nguyên liệu, vật liệu đưa đi góp vốn vào công ty liên kết:

Nợ TK 223 - Đầu tư vào công ty liên kết (Theo giá đánh giá lại)

Nợ TK 811 - Chi phí khác (Chênh lệch giữa giá đánh giá lại nhỏ hơn giá trị ghi sổ)

Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu (Theo giá trị ghi sổ)

Có TK 711 - Thu nhập khác (Chênh lệch giữa giá đánh giá lại lớn hơn giá trị ghi sổ)

15. Đối với nguyên liệu, vật liệu thiếu hụt phát hiện khi kiểm kê:

Mọi trường hợp thiếu hụt NVL trong kho hoặc tại nơi quản lý, bảo quản phát hiện khi kiểm kê phải lập biên bản và truy tìm nguyên nhân, xác định người nhận lỗi. Căn cứ vào biên bản kiểm kê và quyết định xử lý của cấp có thẩm quyền để ghi sổ kế toán:

- Nếu do nhầm lẫn hoặc chưa ghi sổ phải tiến hành ghi bổ sung hoặc điều chỉnh lại số liệu trên sổ kế toán;

- Nếu giá trị NVL hao hụt nằm trong phạm vi hao hụt cho phép (Hao hụt vật liệu trong định mức), ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

- Nếu số hao hụt, mất mát chưa xác định rõ nguyên nhân phải chờ xử lý căn cứ vào giá trị hao hụt, ghi:

Nợ TK 138 - Phải thu khác (1381 - Tài sản thiếu chờ xử lý)

Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

- Khi có quyết định xử lý, căn cứ vào quyết định, ghi:

Nợ TK 111 - Tiền mặt (Người phạm lỗi nộp tiền bồi thường)

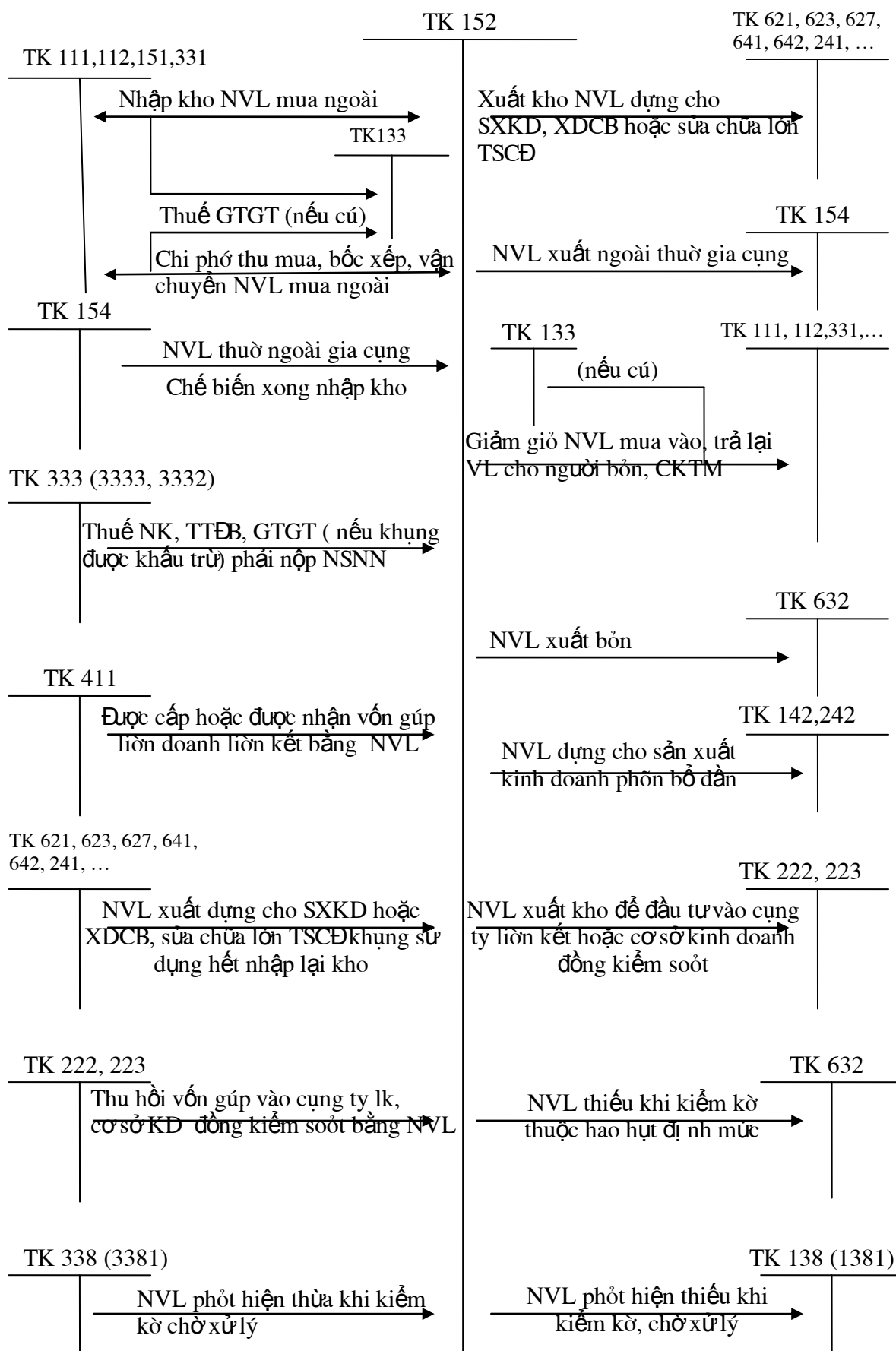
Nợ TK 138 - Phải thu khác (1388) (Phải thu tiền bồi thường của người phạm lỗi)

Nợ TK 334 - Phải trả người lao động (Nếu trừ vào tiền lương của người phạm lỗi)

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán (Phần giá trị hao hụt, mất mát nguyên liệu, vật liệu còn lại phải tính vào giá vốn hàng bán)

Có TK 138 - Phải thu khác (1381- Tài sản thiếu chờ xử lý).

➤ *Sơ đồ hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên:*



b. Phương pháp kiểm kê định kỳ:

➤ *Khái niệm:*

- Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp hạch toán căn cứ vào kết quả kiểm kê thực tế để phản ánh giá trị hàng tồn kho cuối kỳ của vật tư hàng hóa. Từ đó tính giá trị của vật tư hàng hóa xuất kho trong kỳ theo công thức:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Trị giá thực tế} & & \text{Trị giá thực tế của} & & \text{Trị giá thực tế của} & & \text{Trị giá thực tế} \\ \text{của NVL xuất} & = & \text{NVL tồn kho đầu} & + & \text{NVL nhập trong kỳ} & - & \text{của NVL tồn} \\ \text{kho trong kỳ} & & \text{kỳ} & & & & \text{kho cuối kỳ} \end{array}$$

- Trị giá vốn thực tế của nguyên liệu, vật liệu nhập, xuất kho hàng ngày được phản ánh theo dõi trên “Tài khoản mua hàng”.

- Phương pháp này thường được áp dụng ở những doanh nghiệp có nhiều chủng loại vật tư, hàng hoá với quy cách mẫu mã khác nhau, giá trị thấp và được xuất thường xuyên.

- Phương pháp kiểm kê định kỳ có ưu điểm là giảm nhẹ khối lượng công việc hạch toán nhưng độ chính xác về vật tư, hàng hoá xuất dùng cho các mục đích khác nhau phụ thuộc vào công tác quản lý tại kho, quây, bến bãi.

➤ *Tài khoản sử dụng:*

TK 152- Nguyên liệu, vật liệu. Tài khoản này không phản ánh tình hình nhập, xuất nguyên vật liệu trong kỳ mà chỉ dùng để kết chuyển trị giá thực tế nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ và đầu kỳ

TK 151 - Hàng mua đang đi đường

TK 611 - Mua hàng. Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá nguyên liệu, vật liệu mua vào, nhập kho hoặc đưa vào sử dụng trong kỳ. Kết cấu của tài khoản:

Bên Nợ:

- Kết chuyển giá gốc nguyên liệu, vật liệu tồn kho đầu kỳ (Theo kết quả kiểm kê).
- Giá gốc nguyên liệu, vật liệu mua vào trong kỳ.

Bên Có:

- Kết chuyển giá gốc nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ (Theo kết quả kiểm kê)
- Giá gốc nguyên liệu, vật liệu xuất sử dụng trong kỳ.
- Giá gốc nguyên liệu, vật liệu mua vào trả lại người bán hoặc được giảm giá.

Tài khoản 611 không có số dư cuối kỳ.

Ngoài ra, kế toán còn sử dụng các tài khoản liên quan như: TK 111, TK 112, TK 128, TK 621, TK 641, TK642....

➤ *Trình tự kế toán nhập xuất nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ:*

1. Đầu kỳ, kết chuyển trị giá nguyên liệu, vật liệu tồn kho đầu kỳ, ghi:

Nợ TK 611 - Mua hàng

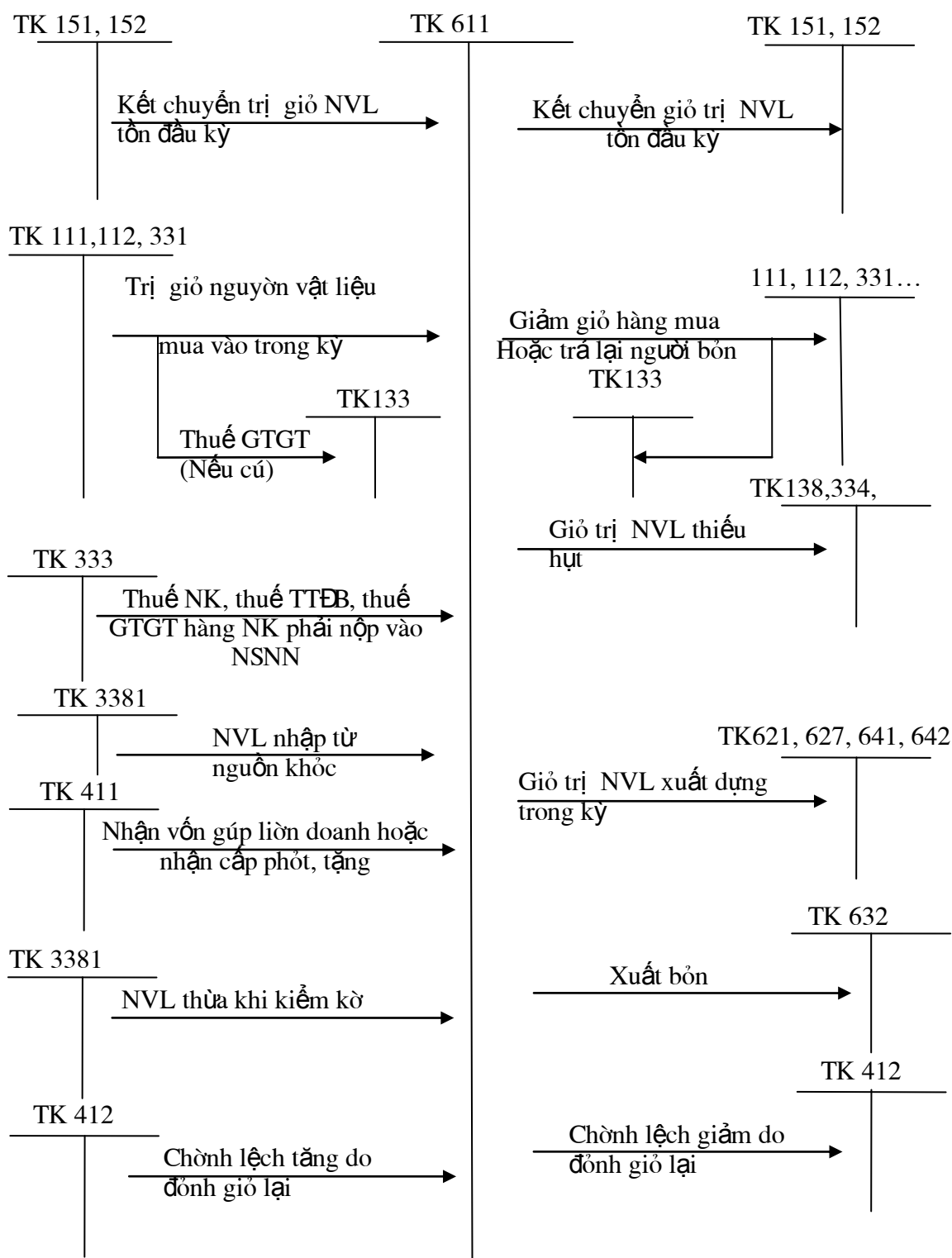
Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

2. Cuối kỳ, căn cứ vào kết quả kiểm kê xác định giá trị nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ, ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu.

Có TK 611 - Mua hàng.

➤ Sơ đồ hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kì:



1.3. Tổ chức hệ thống sổ, báo cáo kế toán:**▪ Sổ kế toán:**

Tùy thuộc vào phương pháp hạch toán áp dụng trong doanh nghiệp mà sử dụng các sổ (thẻ) kế toán sau:

- Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá (Mẫu S10-DN)
- Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá (Mẫu S11-DN)
- Thẻ kho (Sổ kho) (Mẫu S12-DN)
- Sổ nhật kí chung (Mẫu S03a-DN)
- Sổ cái (Dùng cho hình thức kế toán NKC) (Mẫu S03b-DN)

▪ Báo cáo tài chính:

- Bảng cân đối kế toán (Mẫu B01 – DN)
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu B02 – DN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu B03 – DN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu B09 – DN)

CHƯƠNG II**THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM (VICONSHIP)****2.1. KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM (VICONSHIP)****2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty Cổ phần Container Việt Nam (Viconship)**

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM
- Tên tiếng Anh: VIETNAM CONTAINER SHIPPING JOINT-STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: VICONSHIP
- Vốn điều lệ: 120.305.510.000 VND
- Người đại diện: Ông Nguyễn Việt Hoà
- Cơ cấu sở hữu cổ phần: sở hữu nhà nước 28,16%, sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài 14,02% và sở hữu khác 57,82%.
- Trụ sở chính: 11 Võ Thị Sáu, Máy Tơ, Ngô Quyền, Hải Phòng
- Điện thoại: (84-31) 3 836 705
- Fax: (84-31) 3 836 104
- Email: viconship@hn.vnn.vn

Công ty cổ phần Container Việt Nam (Viconship) là một trong những hãng đại lý tàu biển và vận tải hàng đầu chính thức hoạt động từ năm 1985. Ngày 27/7/1985 công ty được thành lập theo quyết định số 1310/QĐ-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải với tên ban đầu “Công ty Container Việt Nam”. Sau một thời gian dài làm việc có hiệu quả và được sự cho phép của Thủ tướng Chính Phủ, ngày 04/03/2002 Công ty cổ phần Container Việt Nam được thành lập theo quyết định số 183/TTG trên cơ sở chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần.

❖ Thuận lợi:

- Là đơn vị đầu tiên hoạt động trong lĩnh vực vận tải hàng hoá bằng Container.

- Có hệ thống cảng container, kho bãi, đội xe riêng phục vụ cho các dịch vụ vận chuyển hàng hoá thông thường và hàng container ở cả 3 miền Bắc, Trung, Nam.

- Có đội ngũ nhân viên và các nhà quản lý được đào tạo chuyên nghiệp và giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực tàu biển và tiếp vận.

- Có mối quan hệ tốt với người gửi, người nhận và chủ hàng. Viconship đang làm tổng đại lý cho các hãng tàu lớn trên thế giới như MSC (Thụy Sĩ), TS (Đài Loan)...và có mối quan hệ hợp đồng với nhiều hãng tàu khác tại Việt Nam.

- Công ty luôn nhận được sự quan tâm, ủng hộ của các cổ đông, sự tín nhiệm của khách hàng. Số lượng khách hàng sử dụng dịch vụ cảng biển, kho bãi, vận chuyển nội địa ... ngày càng tăng.

- Hội đồng quản trị, ban lãnh đạo công ty luôn theo sát tình hình, đề ra các quyết định và chiến lược kinh doanh phù hợp, kịp thời như các vấn đề về đầu tư, điều chỉnh giá dịch vụ, đảm bảo đủ cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ sản xuất... tìm mọi biện pháp từng bước nâng cao hiệu quả quản trị về sản xuất kinh doanh cũng như lĩnh vực tài chính.

❖ Khó khăn:

- Thị trường vận tải biển không ổn định, giá cước vận tải ở mức thấp.

- Do đặc thù ngành nghề kinh doanh mà cước phí các loại dịch vụ công ty hiện đang cung cấp được các khách hàng thanh toán chủ yếu bằng ngoại tệ nên công ty thường xuyên phải đối mặt với rủi ro về biến động tỷ giá.

- Công ty hiện đang sử dụng vốn vay dài hạn từ ngân hàng với lãi suất thả nổi, nếu lãi suất tăng cao sẽ gây khó khăn cho công ty trong việc trả lãi vay và có thể gây ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng vốn nói chung và kết quả kinh doanh nói riêng.

- Thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh trong khu vực và trên thế giới đều có thể gây ảnh hưởng đến hoạt động của công ty. Bão lớn, hoả hoạn, động đất cũng là những yếu tố có thể gây thiệt hại trực tiếp đến hành trình cập cảng của tàu, hệ thống kho cảng, bến bãi và hàng hoá giao nhận của khách hàng.

❖ Thành tựu công ty đã đạt được:

- Công ty đã mở rộng và phát triển thêm nhiều đơn vị thành viên, các chi nhánh, văn phòng đại diện rộng khắp cả nước như tại thành phố Hồ Chí Minh, Quy Nhơn, Đà Nẵng, Hà Nội, Hải Phòng...

- Công ty đã tích cực đầu tư hợp lý, nâng cấp cơ sở hạ tầng và các trang thiết bị đồng bộ, tiếp tục mở rộng, hoàn thiện các khu vực kinh doanh kho bãi. Lựa chọn và sử dụng các nhà thầu phụ thích hợp, kịp thời hoàn thành các hạng mục đầu tư đúng tiến độ để đưa ngay vào sản xuất.

- Đã tiếp tục duy trì, củng cố các mối quan hệ bền vững với khách hàng cũ, tìm kiếm thêm nhiều khách hàng mới.

- Các quy trình sản xuất được hợp lý hoá.

- Tiết kiệm triệt để được các chi phí không cần thiết.

- Công ty đã được Chính phủ Việt Nam cấp giấy phép cho thành lập địa điểm thông quan vào ngày 10/09/1999.

- Doanh thu và lợi nhuận của công ty không ngừng nâng cao, thu nhập của công nhân viên được cải thiện rõ rệt, được biểu hiện cụ thể qua kết quả tổng hợp tài chính trong 3 năm gần đây:

Kết quả HĐ	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
DTT	312.750.000.000	383.180.642.202	451.055.147.027
LN gộp	115.137.000.000	159.647.746.748	178.239.177.387
LNT	113.563.000.000	162.065.579.233	201.871.405.735
LNTT	117.714.000.000	161.829.282.235	202.327.156.379
LNST	104.312.000.000	144.915.191.934	151.745.367.200

Năm 2010, doanh thu thuần tăng 67.874.504.825 đồng, tương ứng với tăng 17,7%. Lợi nhuận sau thuế tăng 6.830.175.300 đồng, tương ứng với tăng 4,71% so với năm 2009. Nguyên nhân là do: năm 2010, sản lượng hàng hoá thông qua cảng Green Port tăng làm cho doanh thu thuần tăng 67.874.504.825 đồng so với năm 2009. Mặt khác công ty đã tiến hành rà soát các quy trình quản lý chất lượng, tiết kiệm triệt để các khoản mục chi phí. Đây là nguyên nhân chính dẫn đến giảm chi phí sản xuất kinh doanh và chi phí quản lý doanh nghiệp so với các năm trước.

2.1.2. Đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh và tổ chức bộ máy quản lý

2.1.2.1. Đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh

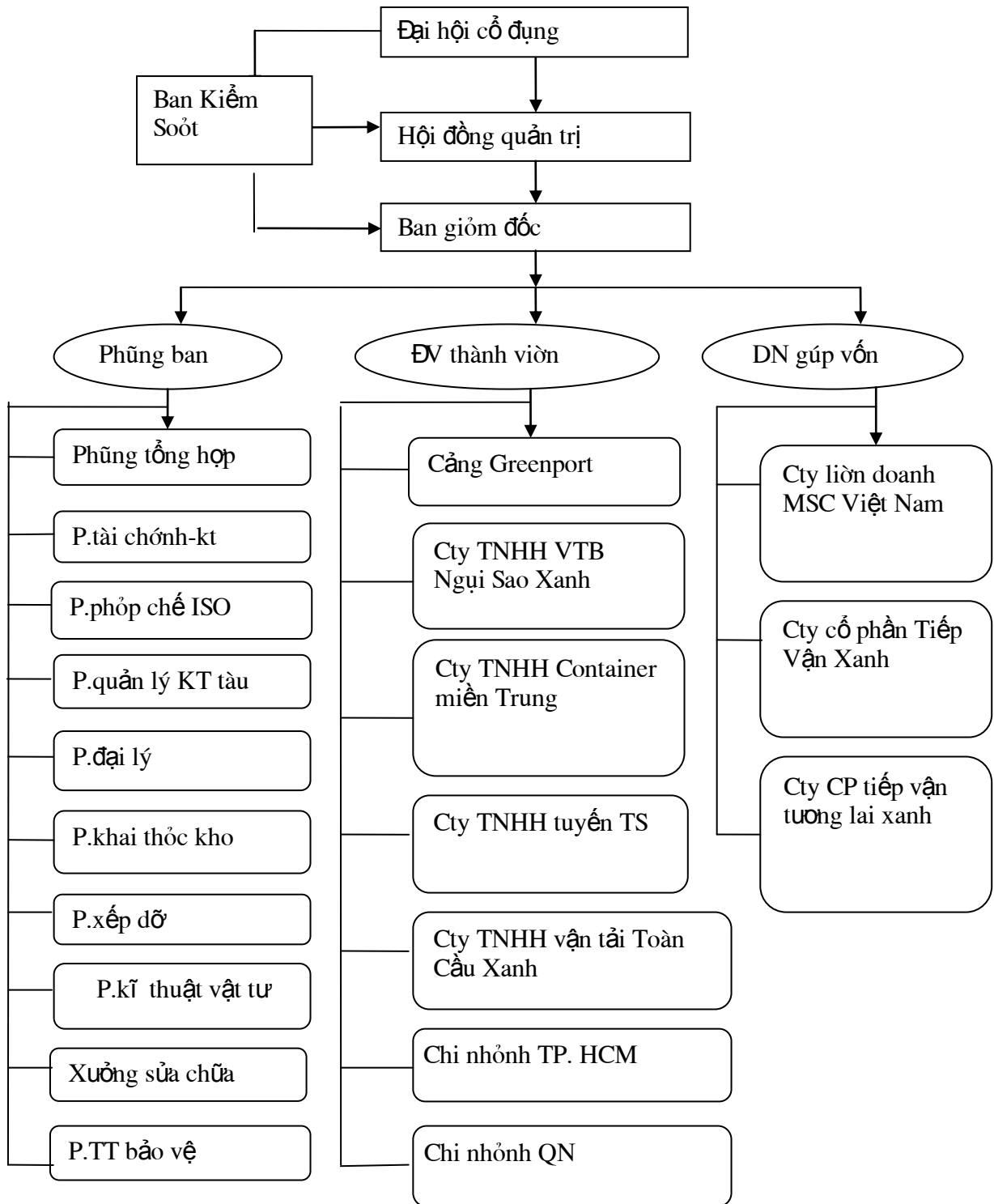
- Hình thức sở hữu vốn: doanh nghiệp cổ phần
- Loại hình kinh doanh: kinh doanh thương mại và dịch vụ
- Các ngành nghề kinh doanh chính: Theo giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh số 0203000185 do sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 01/04/2002, công ty được phép kinh doanh những ngành nghề sau:

- Dịch vụ đại lý container, đại lí tàu biển và môi giới hàng hải.
- Dịch vụ xếp dỡ hàng hoá.
- Kinh doanh hàng lâm sản xuất khẩu, kinh doanh kho, bến bãi.
- Kinh doanh xăng dầu, phụ tùng, phương tiện, thiết bị.
- Vận tải, tổ chức liên hiệp vận chuyển hàng xuất nhập khẩu, hàng dự án, hàng quá cảnh.
- Sửa chữa đóng mới và cho thuê Container.
- Khai thác cảng biển, khai thác vận tải ven biển.

2.1.2.2. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý

Công ty Cổ phần Container Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH đã được Quốc hội nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005, các luật khác và điều lệ công ty được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua.

➤ Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý điều hành của công ty: (Sơ đồ 2.1)



Sơ đồ 2.1. Mô hình bộ máy quản lý của công ty cổ phần container Việt Nam

➤ *Chức năng và nhiệm vụ của các phòng ban:*

- Đại hội đồng cổ đông: Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của công ty, quyết định những vấn đề được luật pháp và điều lệ của công ty quy định. Đặc biệt là các cổ đông thông qua báo cáo tài chính hàng năm của công ty, và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo. Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu ra hội đồng quản trị và ban kiểm soát của công ty.

- Hội đồng quản trị: Là cơ quan quản trị công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị họp định kỳ để tổng kết công tác hoạt động sản xuất kinh doanh và đưa ra phương hướng kế hoạch cho thời gian tới. HĐQT hiện nay của công ty có 9 thành viên, nhiệm kỳ của mỗi thành viên là 5 năm.

- Ban kiểm soát: Là cơ quan có chức năng hoạt động độc lập với HĐQT và Ban giám đốc. Do đại hội đồng cổ đông bầu ra và thay mặt đại hội đồng cổ đông giám sát mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, báo cáo trực tiếp với ĐHCĐ.

- Ban giám đốc:

+ Tổng giám đốc: là người đại diện pháp nhân của công ty trong mọi giao dịch, quản lý điều hành mọi hoạt động kinh doanh của công ty theo điều lệ công ty, chịu trách nhiệm trước hội đồng quản trị.

+ Phó tổng giám đốc: là người giúp việc cho tổng giám đốc, chịu trách nhiệm trước tổng giám đốc và hội đồng quản trị.

- Các phòng ban:

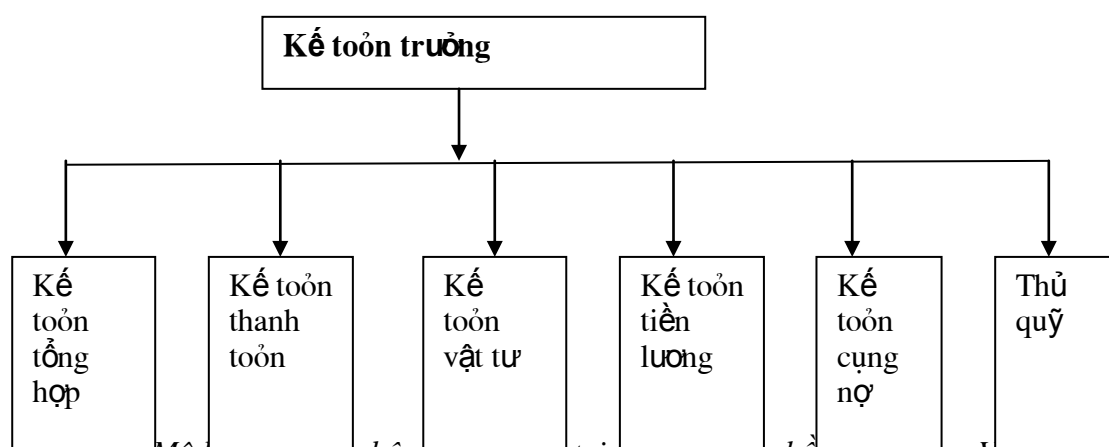
Do trưởng phòng phụ trách và điều hành. Các trưởng phòng tổ chức bộ máy quản lý, bố trí nhân sự và phân công công việc hợp lý, phù hợp với từng người để hoạt động có hiệu quả, chỉ đạo theo dõi việc kiểm tra thực hiện chế độ chính sách của nhà nước về tổ chức cán bộ công nhân trong công ty.

2.1.3. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán

2.1.3.1. Hình thức tổ chức bộ máy kế toán

Để tổ chức bộ máy kế toán hợp lý, gọn nhẹ, có hiệu quả đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời, chính xác công ty đã lựa chọn hình thức tổ chức bộ máy kế toán tập trung. Theo hình thức này thì toàn bộ công việc kế toán được thực hiện tập trung tại phòng kế toán tài chính của công ty. Hình thức tổ chức công tác kế toán tập trung tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, chỉ đạo nghiệp vụ và đảm bảo sự lãnh đạo tập trung thống nhất của Kế toán trưởng cũng như sự chỉ đạo kịp thời của ban lãnh đạo công ty đối với hoạt động kinh doanh nói chung và công tác kế toán nói riêng.

➤ Sơ đồ bộ máy kế toán (Sơ đồ 2.2)



SƠ ĐỒ 2.2. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty Cổ phần Container Việt Nam

➤ Chức năng, nhiệm vụ của từng người:

- Kế toán trưởng: chịu trách nhiệm giữa giám đốc về toàn bộ công tác TCKT và chịu trách nhiệm trước nhà nước về việc chấp hành thực hiện chế độ chính sách của nhà nước. Kế toán trưởng điều hành công việc chung của cả phòng, xây dựng kết quả kinh doanh và lập báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

- Kế toán tổng hợp: Chịu trách nhiệm tập hợp tất cả các số liệu do kế toán viên cung cấp để từ đó tập hợp chi phí sản xuất toàn doanh nghiệp. Phân bổ chi phí sản xuất và tính giá thành.

- Kế toán thanh toán: có nhiệm vụ theo dõi các khoản thu, chi bằng tiền của doanh nghiệp, khoá sổ kế toán tiền mặt mỗi ngày để có số liệu đối chiếu với thủ quỹ. Kiểm tra chứng từ đầu vào, thanh toán với người bán, người tạm ứng.

- Kế toán vật tư: theo dõi tình hình nhập, xuất, tồn vật tư có trong kho sử dụng tính toán và phân bổ chi phí nguyên vật liệu.

- Kế toán tiền lương: theo dõi việc trả lương, các khoản bảo hiểm, thanh toán các chế độ đi công tác, nghỉ phép, theo dõi chế độ quản lý ăn ca... của cán bộ công nhân viên trong công ty. Ngoài ra kế toán lương còn phải theo dõi tình hình tăng, giảm khấu hao TSCĐ.

- Kế toán công nợ: theo dõi chi tiết người mua và người bán về công nợ.

- Thủ quỹ: có nhiệm vụ quản lý và nhập, xuất tiền mặt phục vụ cho hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty. Hàng ngày, thủ quỹ phải kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế, đối chiếu với số liệu sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt

2.1.3.2. Chế độ, chính sách kế toán áp dụng tại công ty

- Chế độ kế toán công ty áp dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng bộ tài chính.

- Kỳ kế toán năm: bắt đầu từ ngày 01/01/N đến ngày 31/12/N

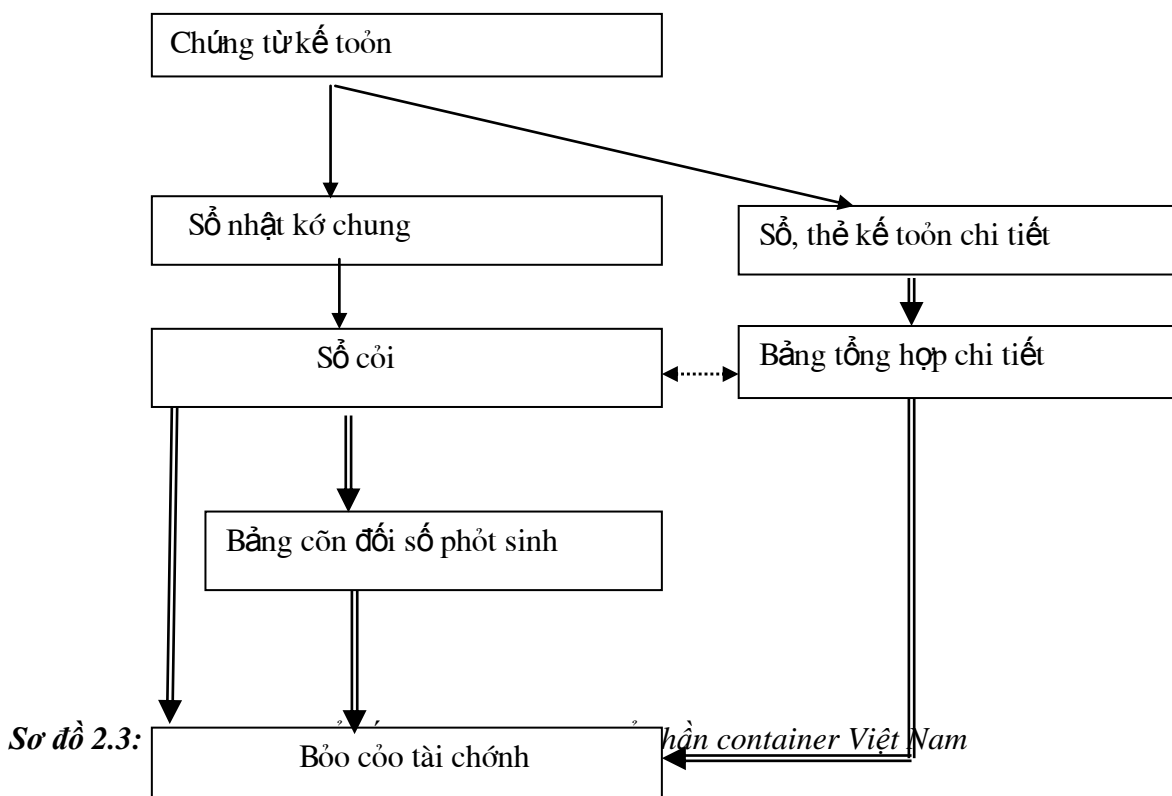
- Đơn vị tiền tệ sử dụng: Đồng Việt Nam (VNĐ). Nếu có nghiệp vụ liên quan đến ngoại tệ thì được quy đổi VNĐ theo tỷ giá ngân hàng công bố tại thời điểm hạch toán.

- Hình thức kế toán: **Nhật kí chung**

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên.

- Phương pháp tính thuế GTGT: phương pháp khấu trừ.

➤ *Trình tự ghi sổ kế toán: (Sơ đồ 2.3)*



Sơ đồ 2.3:

- Ghi chú:
- Ghi hàng ngày
 - ==> Ghi cuối kỳ
 - ←- - - -> Đối chiếu, kiểm tra

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên sổ cái, lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các báo cáo tài chính.

2.2. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM (VICONSHIP)

2.2.1. Đặc điểm tình hình chung về vật liệu

2.2.1.1. Phân loại nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu của công ty được chia thành:

- Nguyên vật liệu chính: là đối tượng lao động chủ yếu trong doanh nghiệp là cơ sở vật chất hình thành nên thực thể sản phẩm.

- Nguyên vật liệu phụ: Là những vật liệu được sử dụng kết hợp với vật liệu chính để nâng cao chất lượng cũng như tính năng, công dụng của sản phẩm.

- Phụ tùng thay thế: bao gồm các loại vật liệu được sử dụng để thay thế, sửa chữa máy móc thiết bị hoặc phương tiện vận tải.

- Vật liệu khác: giẻ lau, bảo hộ lao động, ...

2.2.1.2. Đặc điểm công tác quản lý

Quản lý vật liệu là khâu quan trọng đầu tiên để đảm bảo cho quá trình sản xuất, việc quản lý nguyên vật liệu ở đây không chỉ về mặt số lượng mà phải quản lý cả về chất lượng nhằm đảm bảo cho nguyên vật liệu không bị biến chất, giảm giá trị sử dụng. Do đó cần quản lý tốt ở các khâu:

- Khâu thu mua: Ở công ty, kế hoạch thu mua nguyên vật liệu được xây dựng trên kế hoạch sản xuất đồng thời dựa trên định mức tiêu hao vật liệu cho từng loại sản phẩm. Do vậy hàng tháng, quý căn cứ vào khả năng sản xuất của công ty để thu mua vật liệu phục vụ kịp thời cho sản xuất. Vật liệu phục vụ cho công tác sản xuất của công ty chủ yếu là ở trong nước không phải nhập khẩu. Đây là điều kiện khá thuận lợi cho công tác thu mua vật liệu. Công ty có bộ phận chuyên thực hiện công tác thu mua, vận chuyển bốc dỡ. Các bạn hàng, nhà cung ứng uy tín nên công tác thu mua và dự trữ nguyên vật liệu ít bị ngừng trệ.

- Khâu bảo quản và dự trữ: Hiện nay tình hình quản lý nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Container Việt Nam đã được chú trọng và quan tâm với cách tổ chức sắp xếp gồm 3 kho phục vụ trực tiếp cho sản xuất: kho vật tư, kho phụ tùng thay thế và kho vật liệu khác.

- Khâu sử dụng: Công ty căn cứ vào định mức nguyên vật liệu, và kế hoạch tiêu thụ để chủ động có kế hoạch mua vật liệu nên lượng tồn kho rất ít, giảm chi phí lưu kho, vốn không ứ đọng, giá thành sản phẩm hạ.

Ngoài ra, công tác quản lý nguyên liệu, vật liệu được thực hiện ở phòng kỹ thuật vật tư, thủ kho và phòng kế toán.

- Phòng kỹ thuật vật tư: có trách nhiệm quản lý, lập kế hoạch thu mua, nhập, xuất nguyên vật liệu trong tháng, tìm hiểu lựa chọn các nguồn cung cấp tốt nhất, có lợi nhất. Định kỳ tiến hành kiểm kê, tham mưu cho giám đốc về các loại nguyên vật liệu cần nhập, các loại nguyên vật liệu còn tồn đọng nhiều....và các biện pháp giải quyết hợp lý tránh tình trạng cung ứng không đầy đủ vật liệu cho sản xuất hoặc để tồn đọng quá nhiều gây lãng phí, giảm chất lượng nguyên vật liệu.

- Thủ kho: là người có trách nhiệm nhập xuất nguyên vật liệu theo phiếu nhập, phiếu xuất, thực hiện đầy đủ thủ tục công ty quy định, tổ chức sắp xếp bảo quản nguyên vật liệu. Hàng ngày tiến hành ghi chép vào thẻ kho, cuối tháng đối chiếu số liệu với kế toán vật tư, đồng thời kết hợp với các cán bộ chuyên môn tiến hành kiểm kê vật liệu thừa, thiếu trong tháng.

- Kế toán vật tư: Là người chuyên theo dõi tình hình nhập xuất tồn kho nguyên vật liệu đồng thời hạch toán nguyên vật liệu, cuối kỳ đối chiếu số liệu với thủ kho.

2.2.1.3. *Đánh giá nguyên vật liệu*

Tính giá nguyên vật liệu là một công tác quan trọng trong việc tổ chức hạch toán nguyên vật liệu. Tính giá nguyên vật liệu là dùng tiền để biểu hiện giá trị của chúng. Hiện nay, công ty hạch toán nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ và nguyên vật liệu được tính theo nguyên tắc giá gốc.

❖ *Tính giá nguyên vật liệu nhập kho:*

Nguyên vật liệu của công ty chủ yếu được mua từ các nguồn trong nước, hiện nay, công ty thường mua nguyên vật liệu của các nhà cung cấp thường xuyên. Công ty xác định trị giá nguyên vật liệu nhập kho theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế của NVL} \\ \text{nhập kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá mua ghi trên hoá đơn (Giá} \\ \text{chưa có VAT)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí vận chuyển} \\ \text{(Nếu có)} \end{array}$$

Ví dụ 1:

Theo hoá đơn GTGT số 0067731, ngày 08/12 nhập kho 3 chiếc doăng tròn của công ty TNHH Thanh Sang, đơn giá 562.000 đ/cái, thuế suất thuế GTGT 10%, chưa thanh toán.

☞ Trị giá thực tế của doăng tròn = 3 x 562.000 = 1.686.000 đồng

❖ *Tính giá nguyên vật liệu xuất kho:*

Do đặc điểm sản xuất, công ty lựa chọn phương pháp nhập trước – xuất trước để tính giá nguyên vật liệu xuất kho. Theo phương pháp này, hàng nào nhập trước sẽ được xuất trước và lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Trị giá nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ được tính theo đơn giá của những lần nhập sau cùng.

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế} \\ \text{NVL xuất kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá thực tế đơn vị của NVL} \\ \text{nhập kho theo từng lần nhập} \\ \text{kho trước} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Số lượng NVL xuất kho trong} \\ \text{kỳ thuộc số lượng từng lần} \\ \text{nhập kho} \end{array}$$

Ví dụ 2:

Tình hình nhập xuất tồn của nguyên vật liệu doăng tròn của công ty trong tháng 12 như sau:

I. Tồn đầu kỳ: 81 cái, đơn giá: 400.000 đồng/cái

II. Trong tháng phát sinh các nghiệp vụ sau:

1. Ngày 5/12 xuất 81 cái doăng tròn phục vụ sửa chữa container.
2. Ngày 8/12 nhập 3 cái doăng tròn, đơn giá chưa thuế 562.000 đồng/cái
3. Ngày 10/12 nhập 10 cái doăng tròn, đơn giá chưa thuế 564.000 đồng/cái
4. Ngày 17/12 xuất 3 cái doăng tròn cho phòng xếp dỡ.
5. Ngày 25/12 nhập 15 cái doăng tròn, đơn giá chưa thuế 585.000 đồng/cái
6. Ngày 27/12 xuất 8 cái doăng tròn.

☞ Trị giá nguyên vật liệu xuất kho:

- Ngày 5/12: 81 x 400.000 = 32.400.000 (đồng)
- Ngày 17/12: 3 x 562.000 = 1.686.000 (đồng)
- Ngày 28/12: 8 x 564.000 = 4.512.000 (đồng)

2.2.2. Thủ tục nhập, xuất kho nguyên vật liệu và hạch toán ban đầu

✧ *Thủ tục nhập kho nguyên vật liệu:*

Khi nguyên vật liệu về đến công ty, phòng kỹ thuật vật tư sẽ kiểm tra tính hợp lệ, hợp lý của các hoá đơn và đối chiếu với hợp đồng đã ký với nhà cung cấp, kiểm tra trực tiếp số lượng, chất lượng của các lô hàng. Sau đó sẽ tiến hành thủ tục nhập kho (thủ kho có trách nhiệm tổ chức bốc xếp nguyên vật liệu vào kho sao cho khoa học hợp lý để đảm bảo yêu cầu quản lý chặt chẽ vật liệu, thuận tiện cho công tác nhập xuất nguyên vật liệu). Các chứng từ sử dụng:

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu nhập kho
- Biên bản kiểm nghiệm vật tư

Biên bản kiểm nghiệm vật tư: Biên bản này dùng để xác định số lượng, quy cách, chất lượng vật tư, sản phẩm, hàng hoá trước khi nhập kho, làm căn cứ để quy trách nhiệm trong thanh toán và bảo quản. Biên bản kiểm nghiệm được lập thành 2 bản, 1 giao cho bộ phận cung tiêu, 1 giao cho bộ phận phòng kế toán. Trong trường hợp vật tư, sản phẩm, hàng hoá không đúng số lượng, quy cách, phẩm chất so với hoá đơn, doanh nghiệp lập thêm 1 liên, kèm theo chứng từ liên quan gửi cho bên cung cấp vật tư, hàng hoá để giải quyết.

Phiếu nhập kho được lập sau khi có đủ chữ ký của các bộ phận có liên quan gồm: bộ phận phụ trách cung tiêu, người giao hàng, và thủ kho. Phiếu nhập kho được lập thành 3 liên, đặt giấy than viết một lần:

- Liên 1: Lưu ở nơi lập phiếu
- Liên 2: Thủ kho giữ để ghi vào thẻ kho và sau đó chuyển lên phòng kế toán làm căn cứ ghi sổ.
- Liên 3: Giao cho người giao hàng

Ví dụ 3: Tiếp VD 1

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0067731 (*Biểu 2.2.1*), phòng kỹ thuật vật tư lập biên bản kiểm nghiệm vật tư (*Biểu 2.2.2*), sau khi kiểm nghiệm xong, thủ kho làm thủ tục nhập kho - Phiếu nhập kho (*Biểu 2.2.3*).

HÓA ĐƠN		Mẫu số : 01 GTKT 3LL			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		MV/2010B			
Liên 2: Giao khách hàng		0067731			
Ngày 08 tháng 12 năm 2010					
Đơn vị bán hàng	Công ty TNHH Thanh Sang Minh Tồn – Hải Dương MST: 0100154568				
Địa chỉ :					
Số tài khoản:					
Điện thoại:	MS:				
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty cổ phần Container Việt Nam					
Địa chỉ : Số 11 – Võ Thị Sáu – Ngô Quyền - Hải Phòng					
Số tài khoản :					
Hình thức thanh toán : ..chưa thanh toán.....MS: 0200472257					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Doăng tròn	cái	3	562.000	1.686.000
Cộng tiền hàng					1.686.000
Thuế suất GTGT: 10%					Tiền thuế GTGT
					168.600
Tổng cộng tiền thanh toán					1.854.600
Số tiền viết bằng chữ: Một triệu tám trăm năm mươi tư nghìn sáu trăm đồng.					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Kí, ghi rõ họ tên)		(Kí, ghi rõ họ tên)		(Kí, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
Phạm Thị Lan		Bùi Quốc Trung		Nguyễn Hoài Nam	

Biểu 2.2.1: Hóa đơn GTGT số 0067731

Đơn vị: Công ty cổ phần container Việt Nam
Địa chỉ: Số 11 – Võ Thị Sáu – Hải Phòng

Mẫu số: 03 – VT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM
Vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa
Ngày 08 tháng 12 năm 2010
Số: 1712

- Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0067731 ngày 08 tháng 12 năm 2010 giữa công ty cổ phần container Việt Nam và công ty TNHH Thanh Sang.

- Ban kiểm nghiệm gồm:
+ Ông Lâm Văn Tam – Trưởng phòng tổng hợp – Trưởng ban
+ Ông Nguyễn Xuân Thùy – Phòng PC - Ủy viên
+ Bà Phạm Minh Hằng – Phòng PC - Ủy viên
Đã kiểm nghiệm các loại:

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách, vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hoá	Mã số	Phương thức kiểm nghiệm	Đơn vị tính	Số lượng theo chứng từ	Kết quả kiểm nghiệm		Ghi chú
						Số lượng đúng quy cách, phẩm chất	Số lượng không đúng quy cách, phẩm chất	
1.	Doăng tròn		Đếm	Cái	3	3	0	

Ý kiến của ban kiểm nghiệm: Hàng hóa mua đạt tiêu chuẩn kỹ thuật
Đại diện kỹ thuật (Ký, họ tên)
Biểu 2.2.2. Biên bản kiểm nghiệm vật tư

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Trưởng ban
(Ký, họ tên)

Công ty cổ phần container Việt Nam
Số 11 – Võ Thị Sáu – Hải Phòng

Mẫu số: 01-VT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Số: 713
Ngày 08 tháng 12 năm 2010

Nợ: 1521
Có: 331

Họ và tên người giao hàng: Phạm Thị Lan
Theo HĐ GTGT 0067731 ngày 08 tháng 12 năm 2010.....
Của Công ty TNHH Thanh Sang
Nhập tại kho : Kho vật tư

STT	Tên hàng	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo CT	Thực nhập		
1	Doăng tròn		cái	3	3	562.000	1.686.000
	Cộng						1.686.000

- Tổng số tiền(Viết bằng chữ): Một triệu sáu trăm tám mươi sáu nghìn đồng.
- Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 08 tháng 12 năm 2010

Người lập phiếu Người giao hàng Thủ kho Kế toán trưởng
(ký,họ tên) (ký,họ tên) (ký,họ tên) (ký,họ tên)

Biểu số 2.2.3. Phiếu nhập kho số 713

Ví dụ 4:

Ngày 12/12/2010, mua 8 vòng bi của công ty TNHH Bình Minh, đơn giá 134.000 đồng/cái, thuế suất thuế GTGT 10%, đã trả bằng tiền mặt.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0068015 (*Biểu 2.2.4*), phòng kỹ thuật vật tư lập biên bản kiểm nghiệm vật tư (*Biểu 2.2.5*), sau khi làm xong, thủ kho làm thủ tục nhập kho – Phiếu nhập kho số 725 (*Biểu 2.2.6*)

HÓA ĐƠN		Mẫu số : 01 GTKT 3LL			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		MV/2010B			
Liên 2: Giao khách hàng		0068015			
Ngày 12 tháng 12 năm 2010					
Đơn vị bán hàng	Cung ty TNHH Bõnh Minh				
Địa chỉ :	Hải Phũng				
Số tài khoản:.....	MST: 0100154568				
Điện thoại:.....MS:					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty cổ phần Container Việt Nam					
Địa chỉ : Số 11 – Võ Thị Sáu – Ngô Quyền - Hải Phòng					
Số tài khoản :					
Hình thức thanh toán : ..TM.....MS: 0200472257					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Vòng bi	Vòng	8	134.000	1.072.000
Cộng tiền hàng					1.072.000
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT		107.200
Tổng cộng tiền thanh toán					1.179.200
Số tiền viết bằng chữ: Một triệu một trăm bảy chín nghìn hai trăm đồng.					
Người mua hàng (Kí, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Kí, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Kí, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
Bùi Đình Liên		Nguyễn Lan Anh		Hoàng Bình Minh	

Biểu 2.2.4: Hóa đơn GTGT số 0068015

Đơn vị: Công ty cổ phần container Việt Nam
 Địa chỉ: Số 11 – Võ Thị Sáu – Hải Phòng

Mẫu số: 03 – VT
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM
 Vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa
 Ngày 12 tháng 12 năm 2010
 Số: 1735

- Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0068015 ngày 12 tháng 12 năm 2010 giữa công ty cổ phần container Việt Nam và công ty TNHH Bình Minh

- Ban kiểm nghiệm gồm:
 + Ông Lâm Văn Tam – Trưởng phòng tổng hợp – Trưởng ban
 + Ông Nguyễn Xuân Thùy – Phòng PC - Ủy viên
 + Bà Phạm Minh Hằng – Phòng PC - Ủy viên
 Đã kiểm nghiệm các loại:

Kết quả kiểm nghiệm

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách, vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hoá	Mã số	Phương thức kiểm nghiệm	Đơn vị tính	Số lượng theo chứng từ	Số lượng đúng quy cách, phẩm chất	Số lượng không đúng quy cách, phẩm chất	Ghi chú
1.	Vòng bi		Đếm	Vòng	8	8	0	

Ý kiến của ban kiểm nghiệm: Hàng hóa mua đạt tiêu chuẩn kỹ thuật
 Đại diện kỹ thuật
 (Ký, họ tên)

Thủ kho
 (Ký, họ tên)

Trưởng ban
 (Ký, họ tên)

Biểu 2.2.5. Biên bản kiểm nghiệm vật tư

Công ty cổ phần container Việt Nam Số 11 – Võ Thị Sáu – Hải Phòng		Mẫu số: 01-VT (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)													
PHIẾU NHẬP KHO															
Số: 725		Nợ: 1523													
Ngày 12 tháng 12 năm 2010		Có: 1111													
Họ và tên người giao hàng: Nguyễn Lan Anh Theo HĐ GTGT 0068015 ngày 12 tháng 12 năm 2010..... Của Công ty TNHH Bình Minh Nhập tại kho : Kho phụ tùng thay thế															
STT	Tên hàng	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền								
				Theo CT	Thực nhập										
1	Vòng bi		Vòng	8	8	134.000	1.072.000								
	/														
	Cộng						1.072.000								
- Tổng số tiền(Viết bằng chữ): Một triệu không trăm bảy mươi hai nghìn đồng. - Số chứng từ gốc kèm theo: <div style="text-align: right; margin-right: 100px;">Ngày 12 tháng 12 năm 2010</div> <table style="width: 100%; border: none;"> <tr> <td style="width: 25%;">Người lập phiếu</td> <td style="width: 25%;">Người giao hàng</td> <td style="width: 25%;">Thủ kho</td> <td style="width: 25%;">Kế toán trưởng</td> </tr> <tr> <td>(ký,họ tên)</td> <td>(ký,họ tên)</td> <td>(ký,họ tên)</td> <td>(ký,họ tên)</td> </tr> </table>								Người lập phiếu	Người giao hàng	Thủ kho	Kế toán trưởng	(ký,họ tên)	(ký,họ tên)	(ký,họ tên)	(ký,họ tên)
Người lập phiếu	Người giao hàng	Thủ kho	Kế toán trưởng												
(ký,họ tên)	(ký,họ tên)	(ký,họ tên)	(ký,họ tên)												

Biểu số 2.2.6. Phiếu nhập kho số 725

✧ *Thủ tục xuất kho nguyên vật liệu:*

Nguyên vật liệu tại công ty được dùng chủ yếu cho sản xuất. Các chứng từ liên quan đến nghiệp vụ xuất cũng phải được phê chuẩn đầy đủ và hợp lệ. Các chứng từ sử dụng:

- Phiếu xuất kho
- Phiếu xin lĩnh vật tư
- Lệnh sản xuất (nếu có)

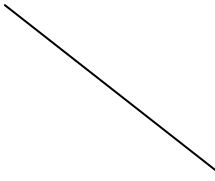
Căn cứ vào kế hoạch sửa chữa trong ngày, phân xưởng sửa chữa lập “Phiếu xin lĩnh vật tư”. Phiếu này ghi rõ tên người lĩnh, lý do lĩnh, chi tiết loại vật tư, số lượng. Sau khi đã thông qua phòng cung ứng vật tư xét thấy nhu cầu hợp lý, thủ kho sẽ viết phiếu xuất kho theo số lượng yêu cầu của phân xưởng. Phiếu xuất kho có thể được lập riêng cho từng loại vật liệu hoặc lập cho nhiều loại cùng kho. Phiếu xuất kho được lập thành 3 liên:

- Liên 1: Lưu ở bộ phận lập phiếu
- Liên 2: Thủ kho giữ để ghi vào thẻ kho và sau đó chuyển cho kế toán để làm căn cứ ghi sổ.
- Liên 3: Người nhận vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa giữ để theo dõi ở bộ phận sử dụng.

Ví dụ 5:

Ngày 14/12/2010, xuất 5 vòng bi cho đội sửa chữa xe nâng.

Căn cứ vào phiếu yêu cầu vật tư (*Biểu 2.2.7*), thủ kho ghi phiếu xuất kho số 715 (*Biểu 2.2.8*)

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM					
PHIẾU YÊU CẦU VẬT TƯ					
Bộ phận yêu cầu: Tổ sửa chữa xe nâng			Số phiếu: 1		
Bộ phận nhận yêu cầu: Phòng vật tư			Lần yêu cầu: 1		
STT	Tên, quy cách vật tư	ĐVT	Số lượng	Mục đích sử dụng	Ngày yêu cầu
1	Vòng bi	vòng	5	Sửa chữa xe nâng	14/12/2010
2					
3					
4					
Xác nhận phiếu yêu cầu			Ngày 14 tháng 12 năm 2010		Phê duyệt
			Người yêu cầu		

Biểu 2.2.7: Phiếu yêu cầu vật tư

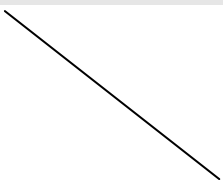
Công ty cổ phần container Việt Nam Số 11 – Võ Thị Sáu – Hải Phòng		Mẫu số: 02-VT (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)															
PHIẾU XUẤT KHO																	
Số: 715		Nợ: 6211															
Ngày 14 tháng 12 năm 2010		Có: 1523															
Họ và tên người nhận hàng: Bùi Văn Hiệp – Tổ sửa chữa xe nâng..... Lý do xuất kho: xuất NVL sửa chữa xe nâng..... Xuất tại kho: Kho phụ tùng thay thế																	
STT	Tên hàng	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền										
				Yêu cầu	Thực xuất												
1	Vòng bi		Vòng	5	5	134.000	670.000										
	Cộng						670.000										
- Tổng số tiền(Viết bằng chữ): Sáu trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn. - Số chứng từ gốc kèm theo: <div style="text-align: right; margin-right: 100px;">Ngày 14 tháng 12 năm 2010</div> <table style="width: 100%; border: none;"> <tr> <td style="width: 20%;">Người lập phiếu</td> <td style="width: 20%;">Người nhận hàng</td> <td style="width: 20%;">Thủ kho</td> <td style="width: 20%;">Kế toán trưởng</td> <td style="width: 20%;">Giám đốc</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">(ký,họ tên)</td> <td style="text-align: center;">(ký,họ tên)</td> <td style="text-align: center;">(ký,họ tên)</td> <td style="text-align: center;">(ký,họ tên)</td> <td style="text-align: center;">(ký, họ tên)</td> </tr> </table>								Người lập phiếu	Người nhận hàng	Thủ kho	Kế toán trưởng	Giám đốc	(ký,họ tên)	(ký,họ tên)	(ký,họ tên)	(ký,họ tên)	(ký, họ tên)
Người lập phiếu	Người nhận hàng	Thủ kho	Kế toán trưởng	Giám đốc													
(ký,họ tên)	(ký,họ tên)	(ký,họ tên)	(ký,họ tên)	(ký, họ tên)													

Biểu số 2.2.8. Phiếu xuất kho số 715

Ví dụ 6:

Ngày 17/12/2010, xuất 3 cái Doăng tròn cho phòng xếp dỡ Viconship.

Căn cứ vào phiếu yêu cầu vật tư (*Biểu 2.2.9*), thủ kho ghi phiếu xuất kho số 720 (*Biểu 2.2.10*)

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM					
PHIẾU YÊU CẦU VẬT TƯ					
Bộ phận yêu cầu: Tổ sửa chữa xe nâng			Số phiếu: 1		
Bộ phận nhận yêu cầu: Phòng vật tư			Lần yêu cầu: 1		
STT	Tên, quy cách vật tư	ĐVT	Số lượng	Mục đích sử dụng	Ngày yêu cầu
1	Doăng tròn	Cái	3	Sửa chữa xe nâng	17/12/2010
2					
3					
4					
Xác nhận phiếu yêu cầu			Ngày 17 tháng 12 năm 2010 Người yêu cầu		Phê duyệt

Biểu 2.2.9: Phiếu yêu cầu vật tư

Công ty cổ phần container Việt Nam Số 11 – Võ Thị Sáu – Hải Phòng		Mẫu số: 02-VT (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)															
PHIẾU XUẤT KHO																	
Số: 720		Nợ: 6211															
Ngày 17 tháng 12 năm 2010		Có: 1521															
Họ và tên người nhận hàng: Bùi Văn Hiệp – Tổ sửa chữa xe nâng..... Lý do xuất kho: xuất NVL sửa chữa xe nâng..... Xuất tại kho: Kho vật tư.....																	
STT	Tên hàng	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền										
				Yêu cầu	Thực xuất												
1	Doăng tròn		cái	3	3	562.000	1.686.000										
	Cộng						1.686.000										
- Tổng số tiền(Viết bằng chữ): Một triệu sáu trăm tám mươi sáu nghìn đồng. - Số chứng từ gốc kèm theo: <div style="text-align: right; margin-right: 100px;">Ngày 17 tháng 12 năm 2010</div> <table style="width: 100%; border: none;"> <tr> <td style="width: 20%;">Người lập phiếu</td> <td style="width: 20%;">Người nhận hàng</td> <td style="width: 20%;">Thủ kho</td> <td style="width: 20%;">Kế toán trưởng</td> <td style="width: 20%;">Giám đốc</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">(ký,họ tên)</td> <td style="text-align: center;">(ký,họ tên)</td> <td style="text-align: center;">(ký,họ tên)</td> <td style="text-align: center;">(ký,họ tên)</td> <td style="text-align: center;">(ký, họ tên)</td> </tr> </table>								Người lập phiếu	Người nhận hàng	Thủ kho	Kế toán trưởng	Giám đốc	(ký,họ tên)	(ký,họ tên)	(ký,họ tên)	(ký,họ tên)	(ký, họ tên)
Người lập phiếu	Người nhận hàng	Thủ kho	Kế toán trưởng	Giám đốc													
(ký,họ tên)	(ký,họ tên)	(ký,họ tên)	(ký,họ tên)	(ký, họ tên)													

Biểu số 2.2.10. Phiếu xuất kho số 720

2.2.3. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu:

Nguyên vật liệu là một trong những yếu tố cơ bản trong quá trình sản xuất kinh doanh, tham gia thường xuyên và trực tiếp vào trong quá trình sản xuất sản phẩm, chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm, nên việc sử dụng nguyên vật liệu đúng mục đích và đúng kế hoạch có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc hạ thấp giá thành sản phẩm và thực hiện kế hoạch sản xuất.

Quá trình nhập xuất tại công ty diễn ra thường xuyên nên công ty đã lựa chọn hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu được thực hiện song song giữa kho và phòng kế toán trong việc quản lý vật liệu để phản ánh chính xác, kịp thời, đầy đủ sự biến động của vật liệu làm cơ sở cho việc ghi sổ kế toán và kiểm tra sự giám sát sự biến động của chúng. Cụ thể:

- Ở kho: Thủ kho tiến hành theo dõi tình hình nhập, xuất, tồn kho trên thẻ kho. Mỗi thẻ kho theo dõi một loại nguyên vật liệu và được mở từng tháng. Đầu tháng, thủ kho ghi số lượng tồn đầu kỳ căn cứ vào lượng tồn cuối tháng trước. Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ nhập, xuất, để ghi số lượng vào thẻ kho, mỗi nghiệp vụ ghi một dòng trên thẻ kho, cuối ngày tính ra số vật liệu tồn kho. Cuối tháng, thủ kho cộng tổng số lượng nhập, xuất, tồn trong tháng của từng thứ nguyên vật liệu để đối chiếu với sổ kế toán chi tiết vật liệu do kế toán vật tư lập.

- Ở phòng kế toán: Hàng ngày, sau khi nhận được chứng từ do thủ kho chuyển đến, kế toán kiểm tra lại chứng từ, xác định giá trị và hoàn chỉnh chứng từ. Kế toán sử dụng sổ hoặc thẻ chi tiết vật liệu để theo dõi tình hình nhập, xuất, tồn kho của từng loại vật liệu cả về số lượng và giá trị, mỗi chứng từ được ghi một dòng.

Cuối tháng, căn cứ vào các sổ chi tiết vật liệu để lập Bảng tổng hợp nhập, xuất tồn kho và tiến hành so sánh số liệu giữa kế toán chi tiết vật liệu với thẻ kho của thủ kho, với số liệu kiểm kê thực tế.

Ví dụ 7: Tiếp VD 3 và VD 6

- Căn cứ vào PN 713, PX 720, thủ kho ghi thẻ kho (*Biểu 2.2.11*)
- Căn cứ vào PN 713, PX 720, kế toán ghi vào sổ chi tiết vật liệu doãng tròn (*Biểu 2.2.13*)

Ví dụ 8: Tiếp VD 4 và VD 5

- Căn cứ vào PN 725, PX 715 thủ kho ghi thẻ kho (*Biểu 2.2.12*)
- Căn cứ vào PN 715, PX 715 kế toán ghi vào sổ chi tiết vật liệu Vòng bi (*Biểu 2.2.14*)
- ☞ Cuối tháng, từ sổ chi tiết vào bảng tổng hợp nhập-xuất- tồn (*Biểu 2.2.15*)

Đơn vị: Công ty cổ phần Container Việt Nam
Địa chỉ: Số 11- Võ Thị Sáu- Hải Phòng

Mẫu số: S11-DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

THẺ KHO (SỔ KHO)

Ngày lập thẻ: 01/01/2010
 Tờ số: 60

Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư: Doăng tròn

Đơn vị tính: cái

Mã số:

STT	Ngày, tháng	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập, xuất	Số lượng			Ký xác nhận của kế toán
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
				Tồn đầu tháng				81	
				Phát sinh tháng 12					
1	05/12		PX 705	Xuất kho vật tư	05/12		81	-	
2	08/12	PN 713		Nhập kho vật tư	08/12	3		3	
3	10/12	PN 727		Nhập kho vật tư	10/12	10		13	
4	17/12		PX 720	Xuất kho vật tư	17/12		3	10	
5	25/12	PN 732		Nhập kho vật tư	25/12	15		25	
6	27/12		PX 728	Xuất kho vật tư	27/12		8	17	
				Cộng phát sinh T12		28	92		
				Số dư cuối kì				17	

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu
 (Kí, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Kí, họ tên)
Biểu 2.2.11. Thẻ kho Doăng tròn

Giám đốc
 (Kí, họ tên)

Đơn vị: Công ty cổ phần Container Việt Nam

Địa chỉ: Số 11- Võ Thị Sáu- Hải Phòng

Mẫu số: S11-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

THẺ KHO (SỔ KHO)

Ngày lập thẻ: 01/01/2010

Tờ số: 63

Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư: Vòng bi

Đơn vị tính: vòng

Mã số:

STT	Ngày, tháng	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập, xuất	Số lượng			Ký xác nhận của kế toán
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
				Tồn đầu tháng				15	
				Phát sinh tháng 12					
1	02/12		PX 702	Xuất kho phụ tùng	02/12		7	8	
2	10/12		PX 710	Xuất kho phụ tùng	10/12		8	-	
3	12/12	PN 725		Nhập kho phụ tùng	12/12	8		8	
4	14/12		PX 715	Xuất kho vật tư	14/12		5	3	
5	27/12	PN 730		Nhập kho phụ tùng	27/12	10		13	
				Cộng phát sinh T12		18	20		
				Số dư cuối kỳ				13	

ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

(Kí, họ tên)

Kế toán trưởng

(Kí, họ tên)

Biểu 2.2.12. Thẻ kho Vòng bi

Giám đốc

(Kí, họ tên)

Đơn vị: Công ty cổ phần Container Việt Nam

Địa chỉ: Số 11- Võ Thị Sáu- Hải Phòng

Mẫu số: S10-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)

Ngày lập: 01/01/ 2010

Tài khoản: 152

Tên kho: kho vật tư

Tên quy cách nguyên vật liệu: doăng tròn

Đơn vị tính: Cái

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
SH	Ngày				SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	
		Số dư đầu kỳ		400.000					81	32.400.000	
		Phát sinh trong T12									
PX 705	5/12	Xuất kho vật tư	6211	400.000			81	32.400.000	-	-	
PN 713	08/12	Nhập kho vật tư	331	562.000	3	1.686.000			3	1.686.000	
PN 727	10/12	Nhập kho vật tư	1111	564.000	10	5.640.000			13	7.326.000	
PX 720	17/12	Xuất kho vật tư	6211	562.000			3	1.686.000	10	5.640.000	
PN 732	25/12	Nhập kho vật tư	1111	585.000	15	8.775.000			25	14.415.000	
PX 728	27/12	Xuất kho vật tư	6211	564.000			8	4.512.000	17	9.903.000	
		Cộng phát sinh T12	x	x	28	16.101.000	92	38.598.000			
		Tồn cuối kỳ							17	9.903.000	

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Kí, họ tên)

Kế toán trưởng
(Kí, họ tên)

Giám đốc
(Kí, họ tên)

Biểu 2.2.13. Sổ chi tiết Doăng tròn

Đơn vị: Công ty cổ phần Container Việt Nam

Địa chỉ: Số 11- Võ Thị Sáu- Hải Phòng

Mẫu số: S10-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)

Ngày lập: 01/01/ 2010

Tài khoản: 152

Tên kho: kho phụ tùng

Tên quy cách nguyên vật liệu: Vòng bi

Đơn vị tính: vòng

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
SH	Ngày				SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	
		Số dư đầu kì		125.000					15	1.875.000	
		Phát sinh trong T12									
PX 702	02/12	Xuất kho phụ tùng	6211	125.000			7	875.000	8	1.000.000	
PX 710	10/12	Xuất kho phụ tùng	6211	125.000			8	1.000.000	-	-	
PN 725	12/12	Nhập kho phụ tùng	1111	134.000	8	1.072.000			8	1.072.000	
PX 715	14/12	Xuất kho phụ tùng	6211	134.000			5	670.000	3	402.000	
PN 730	27/12	Nhập kho phụ tùng	3311	189.000	10	1.890.000			13	2.292.000	
		Cộng phát sinh T12	x		18	2.962.000	20	2.545.000			
		Tồn cuối kì							13	2.292.000	

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Kí, họ tên)

Kế toán trưởng
(Kí, họ tên)

Giám đốc
(Kí, họ tên)

Biểu 2.2.14. Sổ chi tiết Vòng bi

Đơn vị: Công ty cổ phần Container Việt Nam

Địa chỉ: Số 11- Võ Thị Sáu- Hải Phòng

Mẫu số: S11-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT
VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)**

Tài khoản: 152

Tháng 12 năm 2010

STT	Tên quy cách vật liệu dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Số tiền				Ghi chú
		Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ	
1	Đoăng tròn	32.400.000	16.101.000	38.598.000	9.903.000	
2	Phốt	35.120.850	18.950.000	25.467.980	28.602.870	
3	Vòng bi	1.875.000	2.962.000	2.545.000	2.292.000	
4	Kim phun	23.167.950	15.698.750	19.120.000	19.746.700	
5	Tay phanh	12.465.750	24.160.000	10.142.000	26.483.750	
6	Bu lông	35.980.000	23.750.000	30.494.000	29.236.000	
					
	Cộng	2.220.832.001	50.724.883.840	42.198.964.161	10.746.751.680	

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu 2.2.15. Trích bảng tổng hợp chi tiết vật liệu tháng 12/2010

2.2.4. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu

Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu là việc phản ánh một cách tổng quát tình hình nhập, xuất nguyên vật liệu thông qua các tài khoản kế toán. Để phục vụ cho công tác hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu, công ty cổ phần Container Việt Nam sử dụng phương pháp kê khai thường xuyên. Theo phương pháp này, tình hình biến động nhập, xuất, tồn kho nguyên vật liệu tại công ty được ghi chép, phản ánh một cách thường xuyên liên tục. Vì vậy, giá trị nguyên vật liệu của công ty trên sổ kế toán có thể được xác định ở bất cứ thời điểm nào trong kỳ hạch toán.

♦ *Chứng từ sử dụng:*

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu nhập kho
- Phiếu xuất kho

♦ *Tài khoản sử dụng:*

- TK 152 – Nguyên liệu, vật liệu.
- TK liên quan: TK 111, TK 331, TK 133, TK 621

♦ *Sổ sách sử dụng:*

- Sổ nhật kí chung
- Sổ cái

♦ *Quy trình hạch toán:*

Ở phòng kế toán, hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra : Phiếu nhập kho, Phiếu xuất kho, Hoá đơn GTGT, kế toán ghi vào Sổ nhật kí chung.

Cuối tháng, từ Sổ nhật kí chung, kế toán vào sổ cái các tài khoản liên quan.

2.2.4.1. Kế toán tổng hợp nhập kho nguyên vật liệu:

* Trường hợp nhập kho do mua ngoài:

➤ Mua nguyên vật liệu chưa thanh toán cho người bán:

+ *Nguyên vật liệu và hóa đơn cùng về:*

Phần lớn nguyên vật liệu ở công ty được nhập khẩu là do mua ngoài. Thông thường khi nguyên vật liệu nhập kho đều có hóa đơn GTGT kèm theo. Do đó kế toán ghi:

Nợ TK 152: (Giá mua chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133: (Thuế GTGT được khấu trừ)

Có TK 331: (Tổng giá thanh toán)

Ví dụ 9: Tiếp VD 3

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0067731 và phiếu nhập kho số 713:

- Kế toán định khoản:

Nợ TK 1521: 1.686.000

Nợ TK 1331: 168.600

Có TK 331: 1.854.600

- Kế toán ghi vào sổ chi tiết thanh toán với người bán (*Biểu 2.2.16*) và Bảng tổng hợp thanh toán với người bán (*Biểu 2.2.17*)

- Kế toán ghi vào sổ nhật kí chung (*Biểu 2.2.18*)

- Từ sổ nhật kí chung, kế toán ghi sổ cái TK 331 (*Biểu 2.2.19*) và Sổ cái TK 152 (*Biểu 2.2.20*)
+ *Hóa đơn về mà nguyên vật liệu chưa về:*

Khi nhận được hóa đơn mua hàng, kế toán lưu hóa đơn vào một tập hồ sơ riêng “Hàng mua đang đi đường”.

▪ Nếu trong tháng hàng về thì căn cứ vào hóa đơn, phiếu nhập kho để ghi vào tài khoản 152.

▪ Nếu đến cuối tháng nguyên vật liệu vẫn chưa về thì căn cứ vào hóa đơn kế toán ghi:

Nợ TK 151:

Nợ TK 133:

Có TK 331:

➤ Mua nguyên vật liệu thanh toán bằng tiền mặt:

Căn cứ vào hóa đơn GTGT và phiếu nhập kho, kế toán ghi:

Nợ TK 152:

Nợ TK 133:

Có TK 111:

Ví dụ 10: Tiếp VD 4

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0068015 và phiếu nhập kho số 725

- Kế toán định khoản:

Nợ TK 1523: 1.072.000

Nợ TK 1331: 107.200

Có TK 111: 1.179.200

- Kế toán viết phiếu chi thanh toán

- Căn cứ vào phiếu chi, kế toán ghi vào sổ nhật kí chung (*Biểu 2.2.18*) và Sổ cái TK 152 (*Biểu 2.2.20*)

Đơn vị: Công ty cổ phần container Việt Nam
 Địa chỉ: Số 11 - Võ Thị Sáu - Hải Phòng

Mẫu số: S31-DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN

Đối tượng: Công ty TNHH Thanh Sang
 Tháng 12 năm 2010

Ngày, tháng ghi sổ	Số hiệu		Diễn giải	TK ĐƯ	Thời hạn được chiết khấu	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày, tháng				Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ						485.240.000
			Số phát sinh trong kỳ						
8/12	PN 713	8/12	Mua doăng tròn	1521			1.686.000		486.926.000
			Thuế VAT tương ứng	133			168.600		487.094.600
			Mua tay phanh	1521			18.985.000		506.079.600
			Thuế VAT tương ứng	133			1.898.500		507.978.100
28/12	PC 778	28/12	Thanh toán = TM	1111		50.187.500			
			Cộng số phát sinh			50.187.500	22.738.100		
			Số dư cuối kỳ						457.790.600

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
 (Kí, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Kí, họ tên)

Biểu 2.2.16. Sổ chi tiết TK 331 – Công ty TNHH Thanh Sang

Đơn vị: Công ty cổ phần Container Việt Nam
 Địa chỉ: Số 11 - Võ Thị Sáu - Hải Phòng

Mẫu số: S32-DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN

Tháng 12 năm 2010

STT	Tên người bán	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Công ty TNHH Thanh Sang		485.240.000	50.187.500	22.738.100		457.790.600
2	Công ty TNHH Bình Minh		352.124.000	23.564.000	47.135.000		375.695.000
3	Công ty TNHH Huy Hoàng		50.000.000	2.000.000	2.000.000		50.000.000
4	Công ty TNHH Thanh Hà		75.000.000	38.970.000	87.540.000		123.570.000
5	Công ty Điện lực Hải Phòng		14.146.000	14.146.000	-		-
						
	Cộng		1.162.863.094	128.867.500	2.545.380.606		3.579.376.200

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
 (Kí, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Kí, họ tên)

Biểu 2.2.17. Bảng tổng hợp TK 331

Công ty cổ phần container Việt Nam
Số 11 - Võ Thị Sáu - Hải Phòng

Mẫu số: S03a – DN
(Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Năm: 2010

Số hiệu	Chứng từ Ngày, tháng	Diễn giải	Đã ghi SC	Số phát sinh	
				TK ĐƯ	Nợ Có
PX 702	2/12	Xuất vòng bi	6211 1523	875.000	875.000
PN 713	8/12	Mua doăng tròn chưa trả tiền	1521 133 331	1.686.000 168.600	1.854.600
PN 725	12/12	Mua vòng bi đã trả bằng tiền mặt	1523 133 1111	1.072.000 107.200	1.179.200
PX 715	14/12	Xuất vòng bi	6211 1523	670.000	670.000
PT 813	15/12	Thu tiền mua hàng từ T11 của công ty Nam Huy	1111 1311	11.260.000	11.260.000
PX 720	17/12	Xuất kho doăng tròn	6211 1521	1.686.000	1.686.000
PT 832	18/12	Rút tiền gửi nhập quỹ	1111 1121	200.000.000	200.000.000
PN 728	23/12	Mua ccđc chưa trả tiền	153 133 331	162.086.000 16.208.600	178.294.600
PN 732	25/12	Mua doăng tròn nhập kho trả = TM	1521 133 1111	8.775.000 877.500	9.652.500
..... Cộng trang sổ				805.733.123.296	805.733.123.296

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Kí, họ tên)

Kế toán trưởng
(Kí, họ tên)

Giám đốc
(Kí, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.2.18. Trích Sổ nhật kí chung tháng 12 năm 2010

Công ty cổ phần container Việt Nam
Số 11 - Võ Thị Sáu - Hải Phòng

Mẫu số: S03b – DN
(Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán NKC)

Năm: 2010

Tên tài khoản: Phải trả người bán

Số hiệu: 331

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			1.162.863.094
		Số phát sinh T12			
PN 713	8/12	Mua doăng tròn	1521 133		1.686.000 168.600
PN 715	8/12	Mua phốt	1521 133		9.870.000 987.000
				
PN 728	23/12	Mua ccđc	153 133		162.086.000 16.208.600
PN 730	27/12	Mua vòng bi	1523 133		1.890.000 189.000
PC 778	28/12	Thanh toán = TM	1111	50.187.500	
		Thanh toán = TGNH	1121	78.680.000	
				
		Cộng phát sinh		128.867.500	2.545.380.606
		Số dư cuối kỳ			3.579.376.200

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Kí, họ tên)

Kế toán trưởng
(Kí, họ tên)

Giám đốc
(Kí, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.2.19: Trích Sổ cái TK 331

Công ty cổ phần container Việt Nam
Số 11 - Võ Thị Sáu - Hải Phòng

Mẫu số: S03b – DN
(Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán NKC)

Năm: 2010

Tên tài khoản: Nguyên vật liệu

Số hiệu: 152

Chứng từ Số hiệu	Ngày, tháng	Diễn giải	TK ĐƯ	Nợ	Số phát sinh Có
		Số dư đầu kỳ		2.220.832.001	
		Số phát sinh T12			
PX 702	2/12	Xuất vòng bi	6211		875.000
PN 713	8/12	Mua doăng tròn chưa trả tiền	331	1.686.000	
PN 725	12/12	Mua vòng bi đã trả bằng tiền mặt	1111	1.072.000	
PX 715	14/12	Xuất vòng bi	6211		670.000
PX 720	17/12	Xuất kho doăng tròn	6211		1.686.000
PN 732	25/12	Mua doăng tròn nhập kho trả = TM	1111	8.775.000	
PN 734	27/12	Mua phốt trả bằng TGNH	1121	130.165.115	
				
		Cộng phát sinh		50.724.883.840	42.198.964.161
		Số dư cuối kỳ		10.746.751.680	
Người ghi sổ (Kí, họ tên)		Kế toán trưởng (Kí, họ tên)		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2010</i>	
				Giám đốc (Kí, họ tên, đóng dấu)	

Biểu 2.2.20: Trích Sổ cái TK 152

2.2.4.2. Kế toán tổng hợp xuất kho nguyên vật liệu:

* *Xuất kho nguyên vật liệu cho sản xuất:*

Căn cứ vào phiếu xuất kho, kế toán ghi:

Nợ TK 621:

Có TK 152:

Ví dụ 11: Tiếp VD 6

Căn cứ vào phiếu xuất kho số 720

- Kế toán định khoản:

Nợ TK 6211: 1.686.000

Có TK 1521: 1.686.000

- Kế toán ghi vào Sổ nhật kí chung (*Biểu 2.2.18*)

- Từ sổ nhật kí chung, kế toán ghi vào Sổ cái TK 621 (*Biểu 2.2.21*)

* *Xuất kho nguyên vật liệu cho quản lý doanh nghiệp:*

Căn cứ vào phiếu xuất kho, kế toán ghi:

Nợ TK 642:

Có TK 152:

* *Xuất kho nguyên vật liệu cho quản lý phân xưởng:*

Căn cứ vào phiếu xuất kho, kế toán ghi:

Nợ TK 627:

Có TK 152:

* *Trường hợp mua vật tư về xuất thẳng cho sản xuất:*

Khi mua vật tư về xuất thẳng cho các phân xưởng, kế toán sẽ định khoản:

Nợ TK 621:

Nợ TK 133:

Có TK 111, 112, 331...

Công ty cổ phần container Việt Nam
Số 11 - Võ Thị Sáu - Hải Phòng

Mẫu số: S03b – DN
(Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán NKC)

Năm: 2010

Tên tài khoản: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Số hiệu: 621

Chứng từ		Diễn giải	Số		Số phát sinh	
Số hiệu	Ngày, tháng		hiệu TKĐU'	Nợ	Có	
Số dư đầu năm						
Số phát sinh T12						
PX 702	2/12	Xuất vòng bi	1523	875.000		
PX 705	5/12	Xuất doăng tròn	1521	32.400.000		
PX 715	14/12	Xuất vòng bi	1523	670.000		
PX 720	17/12	Xuất doăng tròn	1521	1.686.000		
PX 721	17/12	Xuất kim phun	1521	8.450.000		
					
	31/12	Kết chuyển cpsx	154			985.931.926
Cộng phát sinh				985.931.926	985.931.926	
Số dư cuối kì						

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Kí, họ tên)

Kế toán trưởng
(Kí, họ tên)

Giám đốc
(Kí, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.2.21. Trích Sổ cái TK 621

2.2.5. Công tác kiểm kê nguyên vật liệu

Cũng như các doanh nghiệp khác, theo quy định của Nhà nước mỗi năm công ty cổ phần Container Việt Nam (Viconship) tiến hành kiểm kê hàng tồn kho, và các tài sản khác một lần vào cuối năm.

Mục đích của việc kiểm kê vật liệu, công cụ dụng cụ là để xác định lại số lượng, giá trị và chất lượng của vật tư trong kho, phát hiện chênh lệch giữa sổ sách với thực tế nhằm bảo vệ tài sản và chấn chỉnh công tác quản lý vật liệu ở công ty. Trước mỗi lần kiểm kê, được sự thông báo của hội đồng kiểm kê, thủ kho phải hoàn tất thẻ kho để tạo điều kiện cho kiểm kê. Đồng thời, ở phòng kế toán, các sổ kế toán về vật liệu đều được khoá sổ sau khi kế toán tính ra giá trị tồn kho của vật liệu. Thông qua việc cân, đo, đong, đếm ... Hội đồng kiểm kê phát hiện kết quả kiểm kê trên Biên bản kiểm kê vật tư. Căn cứ vào biên bản kiểm kê này, giám đốc công ty cùng với hội đồng kiểm kê sẽ có những quyết định xử lý thích hợp như: thanh lý, nhượng bán, quyết định đòi bồi thường nếu cá nhân làm mất hoặc hỏng... Căn cứ vào các biên bản xử lý kết quả kiểm kê kế toán tiến hành ghi sổ.

Nhìn chung công tác quản lý vật liệu của công ty là khá tốt nên không có trường hợp mất mát, chỉ có một vài trường hợp thiếu, bị hư hỏng do nguyên nhân khách quan.

Ví dụ 10:

Theo kết quả kiểm kê nguyên vật liệu ngày 31/12/2010, Hội đồng kiểm kê lập Biên bản kiểm kê vật liệu (*Biểu 2.3.1*)

Đơn vị: Công ty cổ phần container Việt Nam
 Địa chỉ: Số 11 - Võ Thị Sáu - Hải Phòng

Mẫu số: 05-VT
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

BIÊN BẢN KIỂM KÊ VẬT TƯ, CÔNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Năm: 2010

- Thời điểm kiểm kê: 9h00 ngày 31 tháng 12 năm 2010
- Ban kiểm kê gồm:
- + Ông: Bùi Trung Kiên – Phòng PC – Trưởng ban kiểm kê
- + Bà: Nguyễn Thị Nhung – Thủ kho - Ủy viên
- + Bà: Phạm Hoàng Lan – Kế toán vật tư - Ủy viên

Đã kiểm kê cho những mặt hàng dưới đây:

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư	Đơn vị tính	Theo sổ kế toán		Theo kiểm kê		Chênh lệch				Phẩm chất		
			SL	TT	SL	TT	Thừa		Thiếu		Còn tốt 100%	Kém phẩm chất	Mất phẩm chất
							SL	TT	SL	TT			
1	Doăng tròn	Cái	17		17		-		-		x		
2	Vòng bi	Vòng	13		13		-		-		x		
3	Phốt	Cái	25		25		-		-		x		
4	Vít	Cái	300		300		-		-		x		
												

Kết luận của ban kiểm kê: Tất cả vật liệu còn tốt 100%, không có chênh lệch giữa sổ sách và kê quả kiểm kê.

Giám đốc
 (Kí, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Kí, họ tên)

Thủ kho
 (Kí, họ tên)

Trưởng ban kiểm kê
 (Kí, họ tên)

Biểu 2.3.1. Trích biên bản kiểm kê nguyên vật liệu năm 2010

CHƯƠNG III**MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VÀ HẠCH TOÁN KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM (VICONSHIP)****3.1. SỰ CẦN THIẾT PHẢI HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM (VICONSHIP)**

Nền kinh tế thị trường với những đổi mới thực sự trong cơ chế quản lý tài chính đã khẳng định vai trò vị trí của thông tin kế toán trong doanh nghiệp. Kế toán là một công cụ hữu hiệu nhất để điều hành, quản lý, kiểm tra, tính toán hiệu quả các hoạt động sản xuất, kinh doanh trong doanh nghiệp.

Khi nền kinh tế thị trường càng phát triển thì quy mô hoạt động của doanh nghiệp cũng phát triển, nhất là trong điều kiện mới, xu hướng khu vực hóa, quốc tế hóa tạo ra xu hướng vừa hợp tác, vừa cạnh tranh ngày càng tăng. Vì vậy doanh nghiệp càng phải quan tâm tới nguyên vật liệu đầu vào. Như chúng ta đã biết, nguyên vật liệu thường chiếm tỷ trọng lớn trong chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm. Hạch toán kế toán nguyên vật liệu đầy đủ, chính xác là một trong những yếu tố đảm bảo cho giá thành được phản ánh chân thực. Trên cơ sở đó các nhà quản lý phân tích và tìm cách tiết kiệm nguyên vật liệu để giảm giá thành, tăng năng lực cạnh tranh, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp. Chính vì vậy, công tác hạch toán kế toán nguyên vật liệu là một phần hành không thể thiếu trong các doanh nghiệp sản xuất.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam mặc dù có rất nhiều cố gắng trong tổ chức công tác quản lý, sử dụng và hạch toán kế toán nguyên vật liệu, song vẫn còn một số hạn chế cần khắc phục để đáp ứng hơn nữa yêu cầu cung cấp đầy đủ, kịp thời và đồng bộ nguyên vật liệu cho sản xuất, dự trữ và sử dụng nguyên vật liệu hợp lý, tiết kiệm, ngăn ngừa các hiện tượng hao hụt, mất mát, lãng phí nguyên vật liệu trong tất cả các khâu của quá trình sản xuất kinh doanh, từ đó tạo ra những sản phẩm chất lượng cao, giá thành hạ, đáp ứng nhu cầu của thị trường, tăng lợi nhuận cho công ty. Do đó, việc nghiên cứu các biện pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý, sử dụng và hạch toán kế toán nguyên vật liệu tại công ty là vô cùng quan trọng.

3.2. NHẬN XÉT VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM (VICONSHIP)

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay và đặc biệt là nước ta đã gia nhập các tổ chức kinh tế quốc tế (như WTO, APEC...), việc hội nhập này đòi hỏi tất cả các doanh nghiệp phải thay đổi cách nhìn nhận về một sân chơi mới và có tính chuyên nghiệp cao.

Trước những thách thức và cơ hội này, Công ty Cổ phần Container Việt Nam đã từng bước khẳng định tính độc lập và tự chủ trong kinh doanh. Công ty đã biết khai thác phát huy, sử dụng có hiệu quả nội lực tiềm năng đem đến từ bên ngoài thu được bằng thắng lợi rõ rệt về mọi mặt:

- Sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

- Đảm bảo đời sống cho cán bộ, công nhân viên.
- Làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước.
- Sắp xếp, tổ chức lại lực lượng sản xuất.
- Đào tạo và bồi dưỡng cán bộ có tay nghề và trình độ...

Qua quá trình nghiên cứu thực tế về công tác quản lý, sử dụng và hạch toán kế toán nguyên vật liệu tại công ty cho thấy công ty có rất nhiều cố gắng trong việc nỗ lực nâng cao chất lượng sản phẩm, hiệu quả sản xuất kinh doanh nhằm đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế thị trường. Song qua thời gian thực tập nghiên cứu tại công ty Cổ phần Container Việt Nam em nhận thấy trong công tác quản lý, sử dụng và hạch toán kế toán nguyên vật liệu ở đây đã có những ưu điểm nhưng cũng còn tồn tại một số hạn chế, em xin mạnh dạn đưa ra dưới đây rất mong công ty tiếp tục phát huy những ưu điểm đồng thời nhanh chóng khắc phục những nhược điểm nhằm mục đích hoàn thiện hơn nữa công tác quản lý, sử dụng và hạch toán nguyên vật liệu trong thời gian tới.

3.2.1. Ưu điểm:

Trải qua thời gian tồn tại và phát triển, công ty Cổ phần Container Việt Nam đã thường xuyên đổi mới phương thức quản lý, không ngừng mở rộng phát triển thêm các đơn vị thành viên, mở rộng khu vực kinh doanh... chiếm được lòng tin của khách hàng. Điều này phục vụ đắc lực cho quá trình sản xuất mang lại cho công ty một khoản lợi nhuận đáng kể, góp phần nâng cao đời sống của cán bộ công nhân viên và đóng góp một phần không nhỏ vào ngân sách Nhà nước.

✧ Về tổ chức sản xuất kinh doanh:

Với ngành nghề kinh doanh chính là sửa chữa và vận tải hàng hóa bằng container, công ty đã không ngừng nâng cấp đầu tư xây dựng hệ thống cảng container, kho bãi, thiết bị hiện đại...

✧ Về tổ chức bộ máy quản lý:

Với bộ máy quản lý tổ chức gọn nhẹ thống nhất từ trên xuống dưới, công ty Cổ phần Container Việt Nam đã xây dựng quản lý theo hình thức trực tuyến - chức năng và hạch toán phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế thị trường, chủ động trong sản xuất kinh doanh, đảm bảo đứng vững trong điều kiện hiện nay. Với mô hình này các phòng ban nghiệp vụ có chức năng tham mưu và giúp việc cho giám đốc hoặc phó giám đốc, trực tiếp phụ trách các vấn đề thuộc chuyên môn nghiệp vụ của mình, đồng thời các phân xưởng bố trí thực hiện nhiệm vụ sản xuất từ công ty đưa xuống đảm bảo số lượng được giao.

✧ Về tổ chức bộ máy kế toán:

Công ty Cổ phần Container Việt Nam hiện có bộ máy kế toán tổ chức tương đối gọn nhẹ, hoạt động hiệu quả, thực hiện theo đúng chế độ hiện hành, phù hợp với quy mô của công ty theo mô hình trực tuyến chức năng. Với hình thức tổ chức kế toán tập trung, bộ máy kế toán đã phát huy hiệu quả của mình trong việc tăng cường hạch toán phục vụ cho quản lý và công tác kế toán nguyên vật liệu.

Trong phòng Tài chính - Kế toán, các nhân viên kế toán có trình độ tay nghề phù hợp, nhiệt tình với công việc đã tạo điều kiện tốt cho công tác hạch toán.

Trong công tác kế toán có sự phân công nhiệm vụ cụ thể đến từng cán bộ với từng phần hành kế toán một cách hợp lý. Các nhân viên kế toán phải chịu trách nhiệm trực tiếp trước kế toán trưởng về phần hành của mình, đảm bảo cung cấp thông tin kế toán nhanh chóng kịp thời cho đối tượng sử dụng.

Cùng với sự nỗ lực phấn đấu của toàn bộ cán bộ công nhân viên trong công ty, tập thể cán bộ phòng Kế toán – Tài chính không ngừng trau dồi trình độ nghiệp vụ của mình, trở thành công cụ đắc lực trong công tác hạch toán của công ty. Phòng kế toán - tài chính đã thực hiện tốt các công việc của mình từ việc thu nhận, xử lý, nhập dữ liệu và công tác kết chuyển cuối tháng, tính giá thành sản phẩm, xác định kết quả kinh doanh. Việc sử dụng các chứng từ cũng như trình tự luân chuyển chứng từ thực hiện theo đúng quy định của Bộ tài chính ban hành. Thực hiện các chế độ hạch toán kinh tế, nộp thuế và các khoản nộp Ngân sách Nhà nước.

✧ *Về hình thức kế toán, chứng từ, sổ sách:*

Hình thức kế toán công ty áp dụng là hình thức Nhật ký chung. Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, đây là phương pháp đang được sử dụng phổ biến ở nước ta. Công ty vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính. Hệ thống chứng từ được lập, kiểm tra, luân chuyển phù hợp với nghiệp vụ kinh tế phát sinh đồng thời phản ánh đầy đủ, kịp thời, chính xác, đảm bảo thông tin nhanh nhạy, hiệu quả.

Hiện nay, công ty thực hiện việc lập báo cáo kết quả kinh doanh một năm một lần, song hàng quý công ty vẫn thực hiện xác định kết quả kinh doanh cho quý đó và lập báo cáo quản trị để gửi lên ban lãnh đạo công ty để kịp thời theo dõi, đánh giá và có những biện pháp hữu hiệu nhất để có thể tăng doanh thu trong năm tới. Đây là việc làm tốt công ty cần phát huy và thực hiện thường xuyên.

✧ *Về công tác kế toán nguyên vật liệu:*

Góp phần làm nên vị trí quan trọng của phòng Kế toán – Tài chính hôm nay phải kể đến bộ phận kế toán nguyên vật liệu đã phản ánh chặt chẽ, toàn diện tài sản, tiền vốn của công ty, cung cấp thông tin một cách chính xác và kịp thời, phục vụ tốt cho công tác quản lý, phân tích lập kế hoạch và công tác lãnh đạo. Công ty đã xây dựng được định mức sản xuất cho từng loại nguyên vật liệu nên đảm bảo cho việc tập hợp chi phí và tính giá thành. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán nguyên vật liệu, phương pháp này có nhiều ưu điểm vì hàng tồn kho, đặc biệt là nguyên vật liệu luôn được theo dõi, kiểm tra thường xuyên, liên tục, kịp thời, phù hợp với đặc điểm, lĩnh vực sản xuất kinh doanh của một doanh nghiệp sản xuất. Phương pháp hạch toán này đã giúp công ty quản lý, theo dõi kiểm tra nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ chính xác, kịp thời hơn. Để hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ công ty áp dụng phương pháp thẻ song song. Với phương pháp này giúp cho phòng kế toán có thể theo dõi chặt

chẽ từng loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Các thẻ kho, sổ chi tiết và các loại sổ sách chi tiết khác có liên quan của phương pháp này được công ty mở và ghi chép đúng mẫu, kịp thời và đầy đủ.

- *Công tác hạch toán ban đầu*: theo đúng quy định ban hành từ khâu lập chứng từ đến khâu luân chuyển chứng từ cụ thể là phiếu nhập kho nguyên vật liệu và phiếu xuất kho nguyên vật liệu.

- *Công tác thu mua*: do phòng vật tư đảm nhiệm, có nhân viên thu mua rất hoạt bát trong công việc nắm bắt giá cả thị trường, cho nên vật liệu luôn đảm bảo đúng số lượng, chất lượng, chủng loại với giá cả hợp lý theo yêu cầu sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Trong khâu nhập kho vật liệu, công ty đảm bảo có sự giám sát chặt chẽ giữa phòng kế toán với bộ phận thu mua và thủ kho bằng hoá đơn giá trị gia tăng, biên bản kiểm nghiệm vật tư, phiếu nhập kho để xác định chính xác, đầy đủ về mặt số lượng cũng như giá trị nguyên vật liệu nhập kho. Điều này đã đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh của công ty làm cho tiến độ sản xuất đạt hiệu quả cao.

- *Công tác bảo quản*: hiện nay công ty đã xây dựng 3 kho phục vụ trực tiếp cho sản xuất, các kho đều được xây dựng ở nơi sạch sẽ, thoáng mát, hệ thống kho tàng tương đối tốt, nhân viên thủ kho và đội ngũ bảo vệ có tinh thần trách nhiệm cao, trình độ chuyên môn tốt đảm bảo nguyên vật liệu được trông coi cẩn thận không xảy ra tình trạng hỏng hóc hay mất mát.

- *Khâu sử dụng*: Công ty căn cứ vào định mức nguyên vật liệu, và kế hoạch tiêu thụ để chủ động có kế hoạch mua nguyên vật liệu nên lượng tồn kho rất ít, giảm chi phí lưu kho, vốn không ứ đọng, giá thành sản phẩm sẽ hạ bớt phần nào.

- Công tác kế toán nguyên vật liệu đã không ngừng được hoàn thiện, đảm bảo thống nhất về phạm vi, phương pháp tính toán với các bộ phận khác, số liệu được phản ánh trung thực, chính xác, rõ ràng tình hình hiện có và sự biến động của nguyên vật liệu.

3.2.2. Hạn chế:

Bên cạnh các thành tích đạt được, kế toán vật liệu của công ty còn có một số vấn đề tồn tại như sau:

✧ *Thứ nhất, về việc luân chuyển chứng từ*: việc luân chuyển chứng từ giữa phòng kinh doanh, phòng kế toán và thủ kho diễn ra thường xuyên, tuy nhiên, giữa các bộ phận, phòng ban này đều không có biên bản giao nhận, dễ xảy ra tình trạng mất mát chứng từ. Khi xảy ra mất mát chứng từ lại không biết quy trách nhiệm cho ai để xử lý, làm cho cán bộ công nhân viên thiếu trách nhiệm, buông lỏng việc quản lý chứng từ.

✧ *Thứ hai, khâu thu mua và vận chuyển*: do vật tư đa dạng, nhiều chủng loại, có nhiều loại có kích thước nhỏ bé nên trong quá trình thu mua và vận chuyển của công ty còn để nguyên vật liệu rơi vãi.

✧ *Thứ ba, công ty tổ chức xây dựng kho nguyên vật liệu chưa hợp lý:* do nguyên vật liệu nhiều, được phân loại cụ thể nhưng công ty lại cho xây dựng kho vật tư bao gồm nguyên vật liệu chính và nguyên vật liệu phụ nên dễ dẫn đến tình trạng nhầm lẫn, mất mát.

✧ *Thứ tư, công ty chưa xây dựng được hệ thống định mức tiêu hao cho từng loại nguyên vật liệu,* vì vậy có thể gây lãng phí do dự trữ vật tư trên mức cần thiết, điều đó sẽ ảnh hưởng đến công tác định mức vật tư vốn lưu động cũng như xác định nhu cầu vốn lưu động hàng quý, năm thiếu chính xác.

✧ *Thứ năm, trong trường hợp mua nguyên vật liệu về xuất thẳng cho sản xuất kế toán vẫn tiến hành làm thủ tục nhập kho và thủ tục xuất kho nên sẽ mất thời gian và có nhiều thủ tục.*

✧ *Thứ sáu, kế toán vật liệu lập bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ chưa khoa học, thiếu cột đơn giá và cột số lượng nên dễ dẫn đến tình trạng nhầm lẫn, khó kiểm soát.*

✧ *Thứ bảy, về việc ứng dụng phần mềm kế toán:* Mặc dù công ty đã trang bị hệ thống máy tính cho phòng kế toán nhưng chỉ giúp cho phần tính toán đơn thuần còn việc hạch toán chủ yếu vẫn thực hiện theo thao tác thủ công nên khối lượng công việc mà kế toán làm là rất vất vả, điều này sẽ ảnh hưởng tới tiến độ thực hiện công việc.

3.3. Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty Cổ phần Container Việt Nam:

Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu trước hết phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Các biện pháp hoàn thiện phải xây dựng trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, tôn trọng chế độ kế toán hiện hành tổ chức công tác kế toán ở các đơn vị kinh tế được phép vận dụng và cải tiến cho phù hợp với tình hình quản lý ở đơn vị mình, không bắt buộc phải dập khuôn theo chế độ nhưng trong khuôn khổ nhất định vẫn phải tôn trọng về quản lý tài chính.

- Hoàn thiện công tác kế toán phải phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp, phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Hệ thống kế toán ban hành bắt buộc các doanh nghiệp phải áp dụng, nhưng chưa được quyền vận dụng trong một phạm vi nhất định phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp nhằm mang lại hiệu quả cao.

- Hoàn thiện nhưng vẫn phải dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí vì mục đích của doanh nghiệp xét cho đến cùng là lợi nhuận.

Như vậy, trên cơ sở những yêu cầu của việc hoàn thiện và tình hình quản lý nguyên vật liệu tại công ty, em xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến góp phần khắc phục những hạn chế trong công tác hạch toán nguyên vật liệu.

✧ *Hoàn thiện công tác luân chuyển chứng từ:*

Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ khi luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban, bộ phận. Mỗi khi luân chuyển chứng từ thì các bên giao và nhận chứng từ đều phải ký vào sổ. Nếu xảy ra mất mát chứng từ cũng dễ quy trách nhiệm cho đúng người, đúng bộ phận để có biện pháp xử lý. Việc làm này giúp quản lý chặt chẽ các chứng từ của công ty, hơn nữa cũng nâng cao tinh

thần trách nhiệm cho cán bộ công nhân viên đối với việc quản lý chứng từ nói riêng và công việc nói chung.

PHIẾU GIAO NHẬN CHỨNG TỪ NHẬP KHO HOẶC XUẤT KHO

Từ ngày..... đến ngày.....

Nhóm vật liệu (dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa)	Số lượng chứng từ	Số hiệu chứng từ	Số tiền
1	2	3	4

Ngày ... tháng ... năm ...

Người nhận
(Kí, họ tên)

Người giao
(Kí, họ tên)

❖ *Cần quản lý tốt khâu thu mua và vận chuyển:*

Công ty cần có các biện pháp nâng cao công tác bảo quản, đóng gói nguyên vật liệu khi mua về, tránh tình trạng mất mát, rơi vãi, tuy thủ kho đã có các biện pháp thu hồi nhưng với đặc điểm nhỏ bé, dễ rơi vãi thì công việc thu hồi vẫn không thể đảm bảo không có sự mất mát.

❖ *Xây dựng kho nguyên vật liệu hợp lý:*

Công ty cần tổ chức lại kho vật tư cho phù hợp, chia kho vật tư thành kho nguyên vật liệu chính và kho vật liệu phụ để dễ dàng kiểm soát cũng như thuận tiện cho việc theo dõi và kiểm tra nguyên vật liệu.

❖ *Xây dựng hệ thống định mức tiêu hao cho từng loại nguyên vật liệu:*

Công ty nên xây dựng hệ thống định mức tiêu hao nguyên vật liệu một cách cụ thể đối với từng loại, từng thứ nguyên vật liệu, phải dựa trên yêu cầu kĩ thuật công nghệ của sản phẩm kết hợp với thực tế và kinh nghiệm sản xuất.

Ngoài ra công ty cũng cần xây dựng định mức nguyên vật liệu tồn kho phù hợp cho từng loại nguyên vật liệu đảm bảo nguyên vật liệu không bị ứ đọng, mất mát.

✧ *Xây dựng hệ thống danh điểm vật liệu thống nhất toàn công ty:*

Để quản lý nguyên vật liệu được dễ dàng, chặt chẽ công ty nên mở “sổ danh điểm vật tư”. Việc mã hóa tên và các vật liệu trong sổ danh điểm phải có sự kết hợp chặt chẽ và sắp xếp thứ tự các loại vật liệu. Trong sổ danh điểm phải có sự thống nhất giữa các phòng ban chức năng bảo đảm tính khoa học, hợp lý, phục vụ chung cho yêu cầu quản lý của công ty trong việc theo dõi các loại vật liệu.

Để lập sổ danh điểm vật tư, điều quan trọng nhất là phải xây được bộ mã vật liệu chính xác, đầy đủ, không trùng lặp, có dự trữ để bổ sung những mã dựa vào các đặc điểm sau:

- Dựa vào vật liệu
- Dựa vào số nhóm vật liệu trong mỗi loại
- Dựa vào số thứ vật liệu trong mỗi nhóm
- Dựa vào số quy cách vật liệu trong mỗi thứ

Trước hết bộ mã vật liệu được xây dựng trên cơ sở số hiệu các tài khoản cấp 2 đối với vật liệu.

- Vật liệu chính : TK 1521
- Vật liệu phụ : TK 1522
- Phụ tùng thay thế : TK 1523
- Vật liệu khác : TK 1526

Trong mỗi loại vật liệu ta phân thành các nhóm và lập mã đối tượng cho từng nhóm. Ở công ty Cổ phần Container Việt Nam số nhóm vật liệu trong mỗi loại nhiều nên ta dùng 2 chữ số để hiển thị.

VD: Trong các loại phụ tùng thay thế ta phân thành các nhóm và đặt mã số như sau:

- Nhóm phụ tùng cơ khí (vòng bi, dây curoa...) : 1523-01
- Nhóm phụ tùng điện (cầu chì, bóng đèn...) : 1523-02

Công ty có thể lập sổ danh điểm vật tư như sau:

SỔ DANH ĐIỂM VẬT LIỆU

Ký hiệu		Mã số danh	Danh điểm vật liệu	Đơn vị	Ghi chú
Loại	Nhóm	điểm		tính	
1521			NVL chính		
	1521.01		Doăng	Cái	
		1521.0101	Doăng tròn	Cái	
		1521.0102	Doăng dẹt	Cái	
		
1523			Phụ tùng thay thế		
	1523.01		Phụ tùng cơ khí		
		1523.0101	Vòng bi	Vòng	
		1523.0102	Dây cudoa	Cuộn	
		
1526			Vật tư khác		
	1526.01		Van	Cái	
		1526.0101	Van on/off	Cái	
		1526.0102	Van VFS	Cái	
		

❖ *Áp dụng công nghệ thông tin vào tổ chức công tác kế toán nói chung và kế toán nguyên vật liệu nói riêng*

Hoà nhập với sự phát triển của công nghệ khoa học kỹ thuật và xu hướng tiến bộ trên toàn thế giới, việc áp dụng công nghệ thông tin trong hạch toán kế toán là hoàn toàn cần thiết. Công ty Cổ phần Container Việt Nam đã ứng dụng tin học vào việc hạch toán kế toán nhưng chỉ là những tính toán đơn thuần, do đó để công việc kế toán được dễ dàng, nhanh chóng công ty nên áp dụng kế toán máy. Phần mềm kế toán có nhiều ưu việt:

- Thu thập, xử lý thông tin kế toán một cách nhanh chóng.
- Tạo điều kiện cho doanh nghiệp chủ động kiểm soát các thông tin tài chính.
- Chọn lọc thông tin cung cấp cho người sử dụng tùy theo mục đích sử dụng.
- Việc xử lý, trình bày, cung cấp các chỉ tiêu kế toán về hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp là liên tục, có căn cứ, đáp ứng yêu cầu sử dụng của các đối tượng khác nhau.

- Hơn nữa, việc sử dụng phần mềm kế toán có thể giúp giảm bớt nhân lực so với kế toán thủ công mà vẫn đảm bảo chất lượng công việc.

Chính vì những ưu điểm của việc áp dụng phần mềm kế toán, theo em công ty nên lựa chọn một chương trình phần mềm kế toán phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của mình, bên cạnh đó, công ty cần tổ chức các lớp đào tạo, hướng dẫn cho đội ngũ cán bộ kế toán sử dụng thành thạo linh hoạt phần mềm kế toán mà công ty áp dụng.

KẾT LUẬN

Một lần nữa ta có thể khẳng định được kế toán nguyên vật liệu có tầm quan trọng trong công tác quản lý kinh tế vì vật liệu là một trong ba yếu tố cơ bản không thể thiếu trong quá trình sản xuất của bất kỳ một đơn vị sản xuất kinh doanh nào. Kế toán vật liệu giúp cho các đơn vị sản xuất kinh doanh theo dõi được chặt chẽ về mặt số lượng, chất lượng, chủng loại giá trị vật liệu nhập xuất trong kho từ đó đề ra những biện pháp hữu hiệu nhằm giảm chi phí vật liệu trong giá thành sản phẩm, đảm bảo chất lượng sản phẩm, tăng lợi nhuận cho công ty.

Công tác quản lý, kế toán nguyên vật liệu là công tác lớn và phức tạp, không phải chỉ một sớm, một chiều là giải quyết được ngay. Do thời gian nghiên cứu và hiểu biết có hạn, trong chuyên đề này mới chỉ đi nghiên cứu một số vấn đề chủ yếu về cơ sở lý luận của công tác quản lý, kế toán vật liệu nói chung trong các ngành sản xuất vật chất và thực tiễn ở công ty Cổ phần container Việt Nam.

Là một sinh viên thực tập em đã tìm hiểu nghiên cứu nhận xét đánh giá chung và đưa ra những mặt còn tồn tại trong công tác kế toán nguyên vật liệu ở công ty. Trên cơ sở phân tích những ưu điểm từ đó đề xuất một số ý kiến với nguyện vọng để công ty tham khảo nhằm hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán nguyên vật liệu. Tuy nhiên do trình độ cũng như nhận thức có hạn nên chuyên đề này không thể tránh khỏi những sai sót và hạn chế nhất định. Em kính mong nhận được sự đóng góp của các thầy cô giáo và các cô chú trong công ty Cổ phần Container Việt Nam.

Em xin chân thành cảm ơn ban lãnh đạo công ty, các cô chú trong phòng kế toán và cô giáo Bùi Thị Thúy đã nhiệt tình giúp đỡ em hoàn thành chuyên đề tốt nghiệp này.

Hải Phòng, ngày 25 tháng 6 năm 2011

Sinh viên

Phan Thị Thương Thương